

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đồ Sơn, năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Ngày. . . tháng. . . năm 2023

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG**

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày. . . tháng. . . năm 2023

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN**

(Ký tên, đóng dấu)

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	3
1. Mục đích của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023	3
2. Những căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023	4
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	8
1. Điều kiện tự nhiên	8
1.2. Địa hình, địa mạo.....	8
1.3. Khí hậu.....	9
1.4. Thủy văn.....	9
2. Khái quát về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	9
2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2022	9
2.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội các ngành, lĩnh vực	11
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022.....	14
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	14
2.2. Đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất đến 31/12/2022.....	17
a) Đất nông nghiệp.....	20
b) Đất phi nông nghiệp.....	21
c) Đất chưa sử dụng	22
2.3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất	23
2.4. Kết quả thực hiện thu hồi đất	23
2.5. Đánh giá kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đến 31/12/2022	23
2.6. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022	23
2.7. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	24
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	24
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất	24
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	24
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	30
3.3.1. Đất nông nghiệp	34
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	37
3.5. Diện tích đất cần thu hồi	37
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.....	38
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2023	38
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất	38
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	40
4.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	40
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	41

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	42
4.3.1. <i>Giải pháp về quản lý hành chính</i>	42
4.3.2. <i>Giải pháp về kinh tế</i>	42
4.3.3. <i>Giải pháp về kỹ thuật</i>	43
4.3.4. <i>Giải pháp giải phóng mặt bằng</i>	43
4.4. Các giải pháp khác	44
I. KẾT LUẬN	45
II. KIẾN NGHỊ	45

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 tại Điều 54 đã quy định: "Đất đai là tài nguyên đặc biệt của Quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật". Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Tại Mục 2, Chương 2 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 quy định: "Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất" là một trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai nhằm phân bổ hợp lý đất đai cho các mục đích, đối tượng sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng về đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đối với từng vùng kinh tế - xã hội và đơn vị hành chính trong một khoảng thời gian xác định. Nguyên tắc, nội dung, căn cứ lập và thẩm định, xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp được quy định cụ thể tại Chương IV của Luật Đất đai năm 2013 (từ Điều 35 đến Điều 51). Tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 40 Luật Đất đai năm 2013 đã quy định căn cứ, nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện. Đây là một nội dung mới trong Luật Đất đai năm 2013 nhằm cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực...; cụ thể hóa khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện; từ đó xác định diện tích các loại đất cần phải thu hồi, chuyển mục đích để thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố Hải Phòng và của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng về việc lập Kế hoạch sử dụng đất cấp quận (huyện) năm 2023, Ủy ban nhân dân quận tiến hành xây dựng: "*Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của quận Đồ Sơn*".

1. Mục đích của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 quận Đồ Sơn nhằm đạt được các mục đích chủ yếu như sau:

- Đảm bảo đủ quỹ đất đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong đó ưu tiên cho các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng, công nghiệp và đô thị, tạo đột phá cho sự phát triển kinh tế - xã hội của quận cũng như của thành phố.
- Bố trí quỹ đất hợp lý để đảm bảo mục tiêu quốc phòng, an ninh.
- Bố trí sử dụng đất cho phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng của quận trong bối cảnh chung của thành phố theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho việc xúc tiến đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, giao đất, sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất.
- Khoanh định, phân bổ các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất cho các ngành, các cấp theo quy hoạch đã được phê duyệt phải được cân đối trên cơ sở các nhu

cầu sử dụng đất đảm bảo không bị chòng chéo trong quá trình sử dụng.

- Kiểm tra, đánh giá hiện trạng và tiềm năng đất đai của quận để có kế hoạch và phương án đầu tư, sử dụng hợp lý các danh mục công trình, dự án trong năm 2023.

- Là cơ sở pháp lý thực hiện thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất...

- Làm căn cứ pháp lý để quản lý đất đai theo Pháp luật, thực hiện tốt các quyền của người sử dụng đất, bảo vệ, cải tạo môi trường sinh thái, phát triển và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả và bền vững.

2. Những căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023

2.1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/06/2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 25/05/2018 của Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 – 2020) thành phố Hải Phòng;

- Quyết định số 1448/QĐ-TTg ngày 16/9/2009 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2050;

- Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển Giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 821/QĐ-TTg ngày 06/07/2018 của Thủ tướng chính phủ về việc Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/09/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện;

- Công văn 3034/UBND-ĐC3, ngày 10/09/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030.

2.2. Cơ sở lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của quận Đồ Sơn

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ;

- Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

- Nghị định số 30/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về Quy hoạch mạng lưới các điểm đỗ xe, bãi đỗ xe thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1881/QĐ-BNN-TCTL ngày 14/08/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Quy hoạch Thủy lợi chống ngập úng thành phố Hải Phòng;

- Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng về nhiệm vụ và giải pháp thực hiện điều chỉnh cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế thành phố Hải Phòng, đảm bảo yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 32/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 về Quy hoạch giao thông vận tải đường bộ thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị Quyết số 32/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014;

- Chương trình hành động số 76/CTr/TU ngày 08/07/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-TW của Bộ Chính trị;

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 22/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thông qua Đề án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố thông qua điều chỉnh, bổ sung các danh mục công trình dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất, mức vốn ngân sách Nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2020;

- Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc Thông qua danh mục các dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất, mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2021;

- Nghị quyết số 41/NQ-HĐND, ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua điều chỉnh bổ sung danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2021;

- Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND thành phố Hải Phòng về việc thông qua danh mục các dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2022;

- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 12/4/2022 của HĐND Thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn

Ngân sách Nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn Thành phố năm 2022;

- Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của HĐND thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn Thành phố năm 2022;

- Nghị quyết số 84/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 về thông qua danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023;

- Quyết định số 1402/QĐ-UBND, ngày 23/7/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 và Quy định quản lý theo Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Đồ Sơn đến năm 2025;

- Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 25/03/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 07/06/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 quận Đồ Sơn;

- Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt bổ sung (đợt 1) Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 quận Đồ Sơn;

- Quyết định số 1545/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 5879/UBND-ĐC3, ngày 14/09/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP, ngày 25/5/2018 của Chính phủ;

- Công văn số 1924/STN&MT-CCQLĐĐ ngày 04/06/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng về việc lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 cấp thành phố và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030;

- Công văn số 4158/UBND-ĐC3, ngày 26/06/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) cấp thành phố và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp quận;

- Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 trên địa bàn thành phố;

- Căn cứ nhu cầu sử dụng đất vào mục đích phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn quận Đồ Sơn năm 2023;

- Các tài liệu, số liệu và bản đồ có liên quan.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Quận Đồ Sơn nằm ở phía Đông Nam, cách trung tâm thành phố Hải Phòng 22 km. Quận có tổng diện tích đất tự nhiên theo địa giới hành chính là 4.781,74 ha. Ranh giới hành chính của quận được xác định, như sau:

- Phía Tây và Tây Bắc giáp quận Dương Kinh, huyện Kiến Thụy;
- Phía Nam và phía Đông giáp vùng biển Vịnh Bắc Bộ;
- Phía Đông Bắc giáp với cửa sông Lạch Tray và huyện đảo Cát Hải;
- Phía Tây Nam giáp với cửa sông Văn Úc.

Đồ Sơn là khu nghỉ mát gồm nhiều bãi biển có phong cảnh đẹp ở miền Bắc Việt Nam. Với vị trí địa lý đặc thù, tiếp giáp trực tiếp với vùng biển Vịnh Bắc Bộ đã tạo điều kiện thuận lợi cho quận trong việc phát triển du lịch, dịch vụ và khai thác, nuôi trồng thủy hải sản.

Quận Đồ Sơn có 06 đơn vị hành chính, bao gồm các phường Bàng La (967,67 ha), Hợp Đức (563,22 ha), Minh Đức (535,96 ha), Hải Sơn (572,30 ha), Ngọc Xuyên (1.196,28 ha) và Vạn Hương (946,30 ha).

1.2. Địa hình, địa mạo

- Đồ Sơn là một bán đảo với 22,5 km bờ biển, có địa hình đồi núi rừng cây nối tiếp nhau vươn ra biển tới 5 km với nhiều ngọn núi nhô cao từ 25 – 130m; mang đặc điểm tự nhiên của vùng ven cửa sông, cửa biển. Địa hình của quận gồm 3 phần chính:

- Vùng trung tâm chủ yếu thuộc địa phận phường Ngọc Xuyên và phường Hải Sơn, phía Đông có đường Phạm Văn Đồng và khu đất ven biển được hình thành và bảo vệ bởi đê ngăn nước mặn, có cao trình trung bình là +2,5m đến +3,5m. Bình diện khá bằng phẳng, nền đất có tải trọng 0,1 kg/cm² đến 0,4 kg/cm². Đây là một khu vực rất thuận lợi cho phát triển các công trình xây dựng tập trung. Tuy nhiên, vùng này gần như là một “thung lũng” nên ít được hưởng gió biển. Do vậy, nhiệt độ vào mùa hè thường cao hơn các vùng khác.

- Vùng bán đảo Đồ Sơn: Là vùng đồi núi nhô ra biển, có cao trình tự nhiên trung bình +6m đến +7m, có những điểm cao từ +66m đến 125m. Đây là một vùng có cảnh quan đẹp với những dải núi chạy dài ra biển.

- Vùng đất có diện tích bằng phẳng: Thuộc phường Bàng La, Minh Đức và Hợp Đức có cao trình tự nhiên trung bình +2m đến 2,8m.

1.3. Khí hậu

- Nằm ở vùng ven biển, quận Đồ Sơn thuộc tiểu vùng sinh thái duyên hải đồng bằng Bắc Bộ nên chịu ảnh hưởng của chế độ nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, mưa nhiều.

- Lượng mưa trung bình mùa khô: 262,1 mm (tháng 11 đến tháng 4), mùa mưa: 1478,4 mm (tháng 5 đến tháng 10).

- Nhiệt độ trung bình 21,6⁰C, nhiệt độ cao nhất là 35,0⁰C, nhiệt độ thấp nhất là 6,5⁰C. Vùng trung tâm do bị chắn bởi các dãy núi nên vào mùa hè nhiệt độ thường cao hơn.

- Hướng gió chủ đạo mùa hè là Đông Nam với tốc độ trung bình 2,3m/s. Gió chủ đạo vào mùa đông là Đông Bắc với tốc độ trung bình từ 2,1-2,8 m/s. Tốc độ gió lớn nhất 45m/s. Khu vực có tình hình bão với tần suất xuất hiện cao nhất trong phân bố bão và áp thấp nhiệt đới theo vĩ độ dọc bờ biển Việt Nam. Từ tháng 7 đến tháng 10 là những tháng có bão hoặc áp thấp nhiệt đới, mức độ bão lớn nhất đạt tới cấp 10 đến cấp 12.

- Độ ẩm: Trung bình năm 83%.

1.4. Thủy văn

Chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ thủy văn biển là thủy triều, biên động từ 1 đến 5 m. Vào mùa mưa, bão sóng biển dâng cao có thể làm ảnh hưởng các công trình địa hình nhô ra sát biển.

2. Khái quát về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2022

2.1.1 Các chỉ tiêu kinh tế

Trong năm 2022, các chỉ tiêu kinh tế của quận Đồ Sơn đạt được kết quả, như sau:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành kinh tế ước đạt 17,47%, tăng 3,47% so với kế hoạch, tăng 4,34% so với cùng kỳ. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu tiếp tục có sự tăng trưởng so với cùng kỳ.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 82,7 triệu đồng, đạt 105,22% so với cùng kỳ.

- Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 102,1% kế hoạch, đạt 121,7% so với cùng kỳ;

- Giá trị sản xuất nông lâm thủy sản đạt 98,8% kế hoạch, đạt 96,9% so với cùng kỳ;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 113,6% kế hoạch, đạt 125,9% so với cùng kỳ;
- Tổng mức đầu tư toàn xã hội đạt 100,9% kế hoạch, đạt 114,0% so với cùng kỳ;
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 3.496,461 tỷ đồng, đạt 1.372,2% kế hoạch, đạt 199,9% so với cùng kỳ;
- Tổng chi ngân sách khoảng 427.683 tỷ đồng, đạt 101,1% dự toán, đạt 109,0% so với cùng kỳ;
- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đạt 100% kế hoạch năm;
- Tỷ lệ chất thải đô thị được thu gom đạt 100%;
- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%;
- Tỷ lệ cấp phép xây dựng đạt 97%;
- Giải quyết việc làm đạt 100% kế hoạch năm, đạt 121,74% so với cùng kỳ;
- Các chỉ tiêu về số học sinh đi học các bậc học cơ bản hoàn thành;
- Các chỉ tiêu về sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng, khai thác thủy sản đạt theo tiến độ kế hoạch năm.

2.1.2 Các chỉ tiêu về đô thị

- Đối với các hộ dân đủ điều kiện xây dựng, UBND Quận chỉ đạo các ngành chức năng bám sát, thực hiện đúng các quy định trong cấp phép xây dựng. Hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện làm giấy phép xây dựng theo đúng quy định. Năm 2022 ước đạt 97%.

- Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường giao thông đô thị, các tuyến đường trục chính, đường liên phường. Triển khai công tác xóa quảng cáo, rao vặt trái quy định trên địa bàn quận...

- Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự đường hè: Tổ chức lắp đặt biển báo hiệu giao thông. Duy trì kiểm tra, nhắc nhở các hộ kinh doanh chấp hành quy định về trật tự đường hè tuyến đường Đình Đoài, Sơn Hải. Tăng cường kiểm tra công tác đảm bảo an toàn giao thông.

2.1.3 Các chỉ tiêu văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Hoàn thành nhiệm vụ năm học 2021 - 2022. Đảm bảo chương trình dạy và học theo kế hoạch đề ra. Tham gia các hoạt động chuyên môn, các kì thi do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức và đạt giải cao. Triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo. Hoàn thiện đề án sáp nhập, đổi tên các đơn vị trường học trên địa bàn quận trình Ban Thường vụ Quận ủy.

b) Y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình

- Chỉ đạo Trung tâm y tế triển khai Kế hoạch khám, chữa bệnh cho Nhân dân trong dịp tết. Đảm bảo 100% người bệnh đến được khám chữa bệnh và chuyển tuyến kịp thời. Chuẩn bị đầy đủ cơ sở, phương tiện, thuốc cấp cứu, đội cấp cứu ngoại viện sẵn sàng khi có dịch bệnh xảy ra, đảm bảo không chệch, xử lý dịch kịp thời. Triển khai các hoạt động rà soát, kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

c) Văn hoá, Thể thao và Thông tin, truyền thông

- Tuyên truyền về cải cách hành chính, các quy định trong công tác phòng chống dịch, thu mua sản phẩm thủy sản cho huyện đảo Cát Hải. Đề nghị Thành phố công nhận di tích lịch sử văn hoá đối với đền Long Sơn, phường Ngọc Xuyên. Phối hợp với Hội đồng tư vấn và đặt tên đường phố của Thành phố tổ chức khảo sát, đề nghị đặt tên đối với 03 tuyến đường phường Hải Sơn, 10 tuyến đường phường Bằng La.

- Tổ chức thành công Lễ phát động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại và Ngày chạy Olympic vì sức khoẻ toàn dân. Tổ chức kiểm tra các hoạt động văn hoá, các điểm thờ tự, tín ngưỡng. Tổ chức thành công Lễ hội Đảo Dấu năm 2022. Tăng cường quản lý nhà nước và ban hành đầy đủ các kế hoạch triển khai trên các lĩnh vực văn hóa, thông tin và truyền thông năm 2022.

- Ban hành các Kế hoạch: Ứng dụng Công nghệ thông tin năm 2022; Ứng dụng Công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025; Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn quận Đồ Sơn năm 2022; Hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử quận giai đoạn 2021-2025.

d) Công tác chính sách xã hội

- Giải quyết tốt các chế độ chính sách ưu đãi đối với các đối tượng Người có công với cách mạng: Chi trả trợ cấp cho các gia đình liệt sỹ, Thương binh, bệnh binh và đối tượng chính sách, các đối tượng bảo trợ xã hội qua Bưu điện quận Đồ Sơn. Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo.

- Tư vấn, học nghề và giới thiệu việc làm cho quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về địa phương năm 2022. Rà soát, nhu cầu học nghề trên địa bàn quận. Giải quyết việc làm ước trong năm 2022 cho 2.800 lao động đạt 100% Kế hoạch năm. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về chăm sóc bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới.

2.2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội các ngành, lĩnh vực

Tình hình kinh tế của phường trong những năm vừa qua có sự chuyển biến rõ rệt. Kinh tế có sự tăng trưởng và phát triển khá, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều đạt được so với kế hoạch đề ra. Các thành phần kinh tế phát triển đa dạng phù hợp với nền sản xuất hàng hóa sản lượng công nghiệp, dịch vụ, năng suất nuôi trồng thủy sản liên tục ở mức cao.

- Kết cấu hạ tầng cơ sở vật chất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được tăng cường, công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội được quan tâm.

2.2.1. Lĩnh vực kinh tế

a) Thương mại - dịch vụ

Tập trung thực hiện các biện pháp chống buôn lậu, gian lận thương mại, quản lý giá cả, cung cầu hàng hóa và bình ổn thị trường; Kiểm tra cửa hàng bán lẻ xăng dầu chưa được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu. Thị trường hàng hóa trên địa bàn quận ổn định, không có biến động lớn, không có tăng giá đột biến, nguồn cung đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ cho nhân dân; hàng hóa đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; tâm lý tiêu dùng của người dân ổn định không có hiện tượng thu gom, tích trữ.

b) Nông, lâm, thủy sản

Tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, thủy sản nhằm đảm bảo cung ứng thực phẩm. Chỉ đạo thực hiện chuyển đổi diện tích sản xuất lúa năng suất thấp, kém hiệu quả sang sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản có giá trị kinh tế cao giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn quận.

Tập trung chỉ đạo phát triển thủy sản, đưa ra các giải pháp tháo gỡ những khó khăn về đầu ra (tiêu thụ sản phẩm) cho người dân nhất là lĩnh vực sản xuất sứa...Chỉ đạo tăng cường bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn.

Trong năm 2022 thực hiện được 642,6 tỷ đồng.

c) Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Triển khai thực hiện Kế hoạch của thành phố về triển khai thực hiện Thông báo kết luận số 53-TB/TW ngày 30/3/2019 của Bộ chính trị về tình hình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban chấp hành Trung Ương khóa XI về “Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020” và Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn quận tương đối ổn định, các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả.

d) Thu, chi ngân sách

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo và các tổ công tác chống thất thu ngân sách, công tác quản lý và thu thuế; khắc phục các tồn tại trong công tác thu ngân sách; Tập trung xử lý nợ đọng, tăng cường thanh tra, kiểm tra kê khai thuế. Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển mục đích quyền sử dụng đất, làm việc với các doanh nghiệp về tiền thuê đất.

2.2.2. Về hạ tầng, văn hóa – xã hội

a) Giáo dục - Đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo không ngừng phát triển theo hướng mở rộng quy mô giáo dục, đa dạng hóa về loại hình, phương thức và nguồn lực. Quận đã

tập trung đầu tư, tăng cường hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ dạy và học; đảm bảo 100% các phường trên địa bàn quận có trường mầm non. Hoàn thành xây dựng các trường chuẩn quốc gia.

Hoàn thành nhiệm vụ năm học 2021-2022. Hoàn thành các nội dung được Ủy ban nhân dân thành phố công nhận trường chuẩn quốc gia giai đoạn 1 đối với trường Tiểu học Hợp Đức. Chỉ đạo chuẩn bị các điều kiện phục vụ kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2022-2023 và kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông.

b) Y tế - dân số

Chỉ đạo kiểm tra hành nghề y, dược tư nhân, dịch vụ chăm sóc sức khỏe và kinh doanh hóa mỹ phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. Tuyên truyền, giám sát phòng chống dịch bệnh; Giám sát các cơ sở y tế thực hiện tốt chế độ thường trực cấp cứu, khám chữa bệnh, chuẩn bị đầy đủ nhân lực, thuốc hóa chất sẵn sàng xử lý khi có dịch bệnh xảy ra; Trên địa bàn không có vụ ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh xảy ra.

Dân số hiện nay của Đồ Sơn: 50.408 người.

c) Giao thông

Trong những năm gần đây quận đã đầu tư các công trình giao thông mang tính chất cấp Thành phố và cấp Quận như cải tạo, nâng cấp đường 353, đường Lý Thánh Tông, đường phía Tây, bãi đỗ xe khu II, bãi đỗ xe đền Bà Đế...Ngoài ra, còn cải tạo các ngõ khu dân cư từng bước nâng cấp hạ tầng giao thông đô thị.

d) Công tác chính sách- xã hội

- Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo năm 2022; Hộ nghèo ước còn 56 hộ; Hộ cận nghèo ước còn 157 hộ.

- Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần cho người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng khác có hoàn cảnh khó khăn; chỉ đạo và triển khai thực hiện kịp thời các giải pháp giảm hết hộ nghèo. Quan tâm đến việc tháo gỡ vướng mắc trong việc giải quyết chế độ chính sách đối với các đối tượng chính sách - xã hội, đặc biệt quan tâm đến những hồ sơ NCC tồn đọng.

e) Về công tác nội vụ, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng

Tiếp tục tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ; Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành; Phối hợp chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ các kỳ họp HĐND Quận. Giải quyết kịp thời, dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo phát sinh thuộc thẩm quyền, không để khiếu kiện kéo dài, vượt cấp. Triển khai thực hiện tốt công tác tiếp công dân, đơn đốc giải quyết đơn thư; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, thực hiện tốt việc quản lý ban hành văn bản quy phạm pháp luật, công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

2.2.3. Thực trạng phát triển đô thị

Công tác quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn quận đã có bước phát triển rõ rệt. Năm 2022, Ủy ban nhân dân quận đã phối hợp với các Sở, ngành Thành phố thực hiện các quy trình xây dựng 07 công viên cây xanh theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 12/4/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố. Đề nghị Thành phố trải asphalt tuyến đường 353 đoạn qua địa bàn quận. Triển khai nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các tuyến đường, các trường học, hệ thống điện chiếu sáng công cộng, vỉa hè, công tác xóa quảng cáo, rao vặt trái quy định... một số dự án, công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng, góp phần làm thay đổi diện mạo đô thị địa phương. Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 06/06/2022 triển khai phong trào thi đua “Xây dựng quận Đồ Sơn Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn - Văn minh” năm 2022

2.2.4. Thực trạng phát triển du lịch

Xây dựng và ban hành các văn bản tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch. Tăng cường quản lý nhà nước về du lịch. Tổ chức kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, lưu trú du lịch. Tuyên truyền, quảng bá Liên hoan du lịch “Đồ Sơn - Sắc màu của biển 2022” trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương; truyền truyền trực quan trên địa bàn Quận: Báo Hải Phòng, Chuyên đề An ninh Hải Phòng, Tạp chí Du lịch, Tạp chí tổ chức nhà nước ấn phẩm “Tự hào Việt Nam”, Báo Kinh tế Đô thị, Báo Đầu tư, Cổng thông tin điện tử thành phố, Trang thông tin điện tử của quận, Báo Thanhnienviet.vn, Báo điện tử của Bộ Xây dựng, Trang Du lịch Hải Phòng trải nghiệm và khám phá.

Thu hút khách du lịch đạt 1,93 triệu lượt khách, vượt chỉ tiêu 20,6% kế hoạch.

(Nguồn: Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

* Các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 quận Đồ Sơn được duyệt theo: Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 quận Đồ Sơn; Quyết định 2474/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt bổ sung (đợt 1) Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 quận Đồ Sơn.

Số liệu thống kê đất đai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 quận Đồ Sơn, cụ thể: Tổng số công trình dự án được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 20 công trình với diện tích 50,75 ha. Trong đó:

a) Có 04 công trình, dự án đã thực hiện xong: Xây dựng doanh trại sở chỉ huy BCH quân sự quận, diện tích 0,75 ha; Đường vào doanh trại mới Sở Chỉ huy quân sự quận, diện tích 0,10 ha; Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư phường Vạn Hương - Ngọc Xuyên, diện tích 2,04 ha; Xây dựng trạm kiểm soát biên phòng kết hợp văn phòng thường trực PCLB-TKCN Đồn Biên phòng Đồ Sơn, diện tích 0,09 ha.

b) Có 16 công trình, dự án chuyển tiếp sang năm 2023 với tổng diện tích 44,02 ha, trong đó:

+ Nhóm đất chuyển mục đích sử dụng đất

Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp gồm 10 dự án, diện tích 42,88 ha.

Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất phi nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp gồm 05 dự án, diện tích 1,12 ha.

Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chưa sử dụng chuyển sang đất phi nông nghiệp gồm 01 dự án, diện tích 0,02 ha.

+ Nhóm đất thu hồi:

Thu hồi đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp gồm 09 dự án, diện tích 42,26 ha.

Thu hồi đất phi nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp gồm 05 dự án, diện tích 1,12 ha.

+ Nhóm đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp, gồm 02 dự án, diện tích 0,64 ha.

Số dự án đã hoàn thành công tác GPMB là 08 dự án, đang chờ giao đất; 02 dự án không phải GPMB; 06 dự án đang khẩn trương triển khai công tác GPMB Dự án.

* Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn triển khai việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, kết quả cụ thể như sau:

2.1.1. Các công trình, dự án được phê duyệt tại Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 07/6/2022: 18 công trình, dự án, diện tích 49,67 ha. Trong đó 04 công trình, dự án thực hiện xong và 14 công trình, dự án chuyển tiếp sang năm 2023.

a) Các dự án, công trình đã được Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 12/7/2018: 02 dự án, diện tích 15,33 ha.

- Xây dựng doanh trại sở chỉ huy BCH quân sự quận: Đã thực hiện xong.

- Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua địa bàn quận Đồ Sơn đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, đã làm thủ tục xin giao đất, đang chờ giao đất.

b) Các dự án, công trình đã được Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND, ngày 19/7/2019.

Tổng số 01 dự án, công trình với diện tích 0,02 ha.

- Dự án Trạm y tế phường Hải Sơn: Hiện nay, không phải giải phóng mặt bằng, đang làm thủ tục xin giao đất.

c) Các dự án, công trình đã được Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND, ngày 09/12/2019.

Tổng số 03 dự án, công trình với diện tích 0,75 ha.

- Dự án Cải tạo nút giao thông tuyến đường phía Đông công viên Đàm Vương: đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đang làm thủ tục xin giao đất.

- Dự án Đường vào doanh trại mới Sở Chỉ huy quân sự quận: Đã được UBND thành phố giao đất.

- Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất tại TDP 8 (lô A23): đang triển khai thực hiện.

d) Các dự án, công trình được Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND, ngày 22/7/2019.

Tổng số 03 dự án, công trình với diện tích 2,79 ha.

- Dự án xây dựng Trạm kiểm soát biên phòng kết hợp văn phòng thường trực PCLB-TKCN Đồn Biên phòng Đồ Sơn, diện tích 0,09 ha: đã thực hiện xong, được UBND thành phố giao đất.

- Dự án Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Ngọc Xuyên: Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn, đang làm thủ tục xin giao đất.

- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư phường Vạn Hương – Ngọc Xuyên: đã thực hiện xong.

e) Các công trình, dự án được Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận tại Nghị quyết số 53/NQ-HĐND, ngày 22/12/2020.

Tổng số 03 dự án, công trình với diện tích 0,73 ha.

- Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường Quang Trung, phường Minh Đức (Đoạn từ nhà bà Tiệp đến đường Nghĩa Phương): Ủy ban nhân dân quận đã thực hiện xong công tác bồi thường, hỗ trợ.

- Dự án xây dựng Trường Mầm Non Vạn Hương: đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đã làm thủ tục xin giao đất, đang chờ giao đất.

- Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn: đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đã làm thủ tục xin giao đất, đang chờ giao đất.

f) Các dự án, công trình được Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, ngày 26/7/2021: 01 dự án, công trình với diện tích 2,04 ha.

- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư phường Vạn Hương – Ngọc Xuyên: đã thực hiện xong.

g) Các công trình, dự án được Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND, ngày 12/8/2021: 03 dự án, công trình với diện tích 22,34 ha.

- Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (km1+00) đến ngã ba Vạn Bún (đường Lý Thái Tổ): Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn đã thực hiện công tác giải phóng mặt bằng 12,9 ha/17 ha.

- Mở rộng nghĩa trang nhân dân quận Đồ Sơn: đã làm thủ tục xin giao đất, đang chờ giao đất.

- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại khu Đầm Cống, tổ dân phố 6, phường Ngọc Xuyên (giai đoạn 2): UBND thành phố đã giao đất thực hiện một phần dự án. Còn 0,17 ha chuyển tiếp thực hiện trong năm 2023.

h) Các công trình, dự án được Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận tại Nghị quyết số 67/NQ-HĐND, ngày 10/12/2021: 02 dự án, công trình với diện tích 7,56 ha.

- Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồ Sơn: dự án đang triển khai thực hiện.

- Dự án Đầu tư xây dựng trường tiểu học Minh Đức: Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2.1.2. Các công trình, dự án được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt bổ sung (đợt 1) Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 01/8/2022: 02 công trình, dự án, diện tích 1,08 ha. Trong đó: 02 công trình chuyển tiếp sang năm 2023.

Các công trình, dự án được Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND, ngày 12/04/2022: 02 dự án, công trình với diện tích 1,08 ha.

- Dự án xây dựng công viên cây xanh phường Ngọc Xuyên - Vạn Hương: dự án đang triển khai thực hiện.

- Dự án xây dựng công viên cây xanh phường Hải Sơn: dự án đang triển khai thực hiện.

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất đến 31/12/2022

Trên cơ sở số liệu thống kê đất đai năm 2021 (tính đến 31/12/2021) và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất từ các công trình dự án ước thực hiện xong trong năm 2022.

Tổng diện tích tự nhiên của quận tăng 149,60 ha so với kiểm kê đất đai năm 2019, nguyên nhân là do trong những năm 2020, 2021, 2022 Dự án Khu du lịch quốc tế Đồi Rồng đi vào triển khai xây dựng Dự án có lấn biển. Theo Quy định về Chỉ tiêu tổng diện tích đất của đơn vị hành chính trong thống kê, kiểm kê đất đai định kỳ tại Điều 11, khoản 2 có ghi: Đối với các đơn vị hành chính tiếp giáp với biển thì diện tích của đơn vị hành chính đó bao gồm diện tích các loại đất của phần đất liền và các đảo trên biển (nếu có); được tính đến đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm; trường hợp chưa xác định được đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm thì xác định theo đường mép nước biển thấp nhất tại thời điểm kiểm kê. Như vậy diện tích thống kê năm 2021 và năm 2022 của quận Đồ Sơn được thống kê tăng 149,60 ha do cập nhật diện tích khoanh vẽ bản đồ khoanh đất tăng thêm là hoàn toàn phù hợp.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất được duyệt ước tính đến ngày 31/12/2022 của quận, như sau:

Bảng 01: Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2022 của quận Đồ Sơn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện 2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) - (4)	(7) = (5)/(4)*100%
	Tổng diện tích		4.781,74	4.781,74		100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.875,97	1.912,70	36,72	101,96
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	536,20	563,11	26,91	105,019
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>536,20</i>	<i>563,09</i>	<i>26,89</i>	<i>105,02</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	117,43	116,37	-1,06	99,10
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	284,69	202,57	-82,12	71,15
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	503,40	503,40		100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	425,63	435,13	9,50	102,23
1.8	Đất làm muối	LMU	5,11	88,60	83,49	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,51	3,51		100,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.892,77	2.855,56	-37,22	98,71
	Trong đó:					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	241,76	241,76	0,00	100,00
2.2	Đất an ninh	CAN	2,87	2,87		99,97
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	137,89	131,27	-6,62	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	325,20	325,20		100,00
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	71,77	71,86	0,09	100,12

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện 2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)- (4)	(7) = (5)/(4)*100%
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	880,71	850,69	-30,02	96,59
	<i>Trong đó:</i>					
+	Đất giao thông	DGT	414,63	383,56	-31,07	92,51
+	Đất thủy lợi	DTL	97,85	101,20	3,35	103,42
+	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,11	0,11	0,00	96,00
+	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,00	4,98	-0,02	99,69
+	Đất xây dựng cơ sở giáo dục	DGD	17,01	14,91	-2,10	87,65
+	Đất xây dựng cơ sở thể thao	DTT	297,16	297,16		100,00
+	Đất công trình năng lượng	DNL	3,49	3,49		100,00
+	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,14	1,14		100,00
+	Đất xây dựng kho dự trữ Quốc gia	DKG				
+	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,04	3,04		100,00
+	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,09	1,09		100,00
+	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,50	4,50		100,00
+	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	17,82	17,65	-0,17	99,06
+	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	12,59	12,59		
+	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	4,27	4,27		
+	Đất chợ	DCH	1,00	1,00		100,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,88	1,88		100,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	82,19	82,19		100,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	647,38	646,54	-0,84	99,87
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,75	10,69	-0,06	99,47
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,00	5,00		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,48	4,48		100,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch,	SON	36,02	36,27	0,25	100,69

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện 2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) - (4)	(7) = (5)/(4)*100%
	suối					
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	444,86	444,86		100,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	CSD	12,99	13,48	0,49	103,79

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong năm 2022 chi tiết với từng loại đất, như sau:

a) Đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp năm 2022 có 1.912,70 ha, cao hơn 36,72 ha, so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt (1.875,97 ha). Trong đó:

- Đất trồng lúa: Thực hiện được 563,11 ha, cao hơn 26,91 ha so với kế hoạch được duyệt (536,20 ha). Nguyên nhân do trong năm quận chưa triển khai thực hiện xong công trình, dự án được lấy từ đất lúa như: Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Ngọc Xuyên, Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (km1+00) đến ngã ba Vạn Bún (đường Lý Thái Tổ), Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư phường Vạn Hương - Ngọc Xuyên, Xây dựng Trường Mầm Non Vạn Hương, ...

- Đất trồng cây hàng khác năm khác: Thực hiện được 116,37 ha, thấp hơn 1,06 ha so với kế hoạch được duyệt (117,43 ha). Diện tích cơ bản đạt do khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cập nhật chi tiết các loại đất làm thay đổi chỉ tiêu sử dụng đất của dự án.

- Đất trồng cây lâu năm: Thực hiện được 202,57 ha, thấp hơn 82,12 ha so với kế hoạch được duyệt (284,69 ha). Diện tích thấp hơn do trong quá trình kiểm kê đất đai năm 2021 đã thống kê lại diện tích đất trồng cây lâu năm sang đất làm muối tại phường Bàn La, diện tích 83,49 ha. Đồng thời do dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (km1+00) đến ngã ba Vạn Bún (đường Lý Thái Tổ) chưa thực hiện xong.

- Đất rừng phòng hộ: Thực hiện được 503,40 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt (503,40 ha).

- Đất nuôi trồng thủy sản: Thực hiện được 435,13 ha, cao hơn 9,50 ha so với kế hoạch được duyệt (425,63 ha). Diện tích cao hơn do chưa thực hiện xong dự án lấy vào đất nuôi trồng thủy sản là: Xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua địa bàn quận Đồ Sơn, Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư phường Vạn Hương - Ngọc Xuyên,...

- Đất làm muối: Năm 2022 thực hiện được 88,60 ha, cao hơn 83,49 ha so

với kế hoạch được duyệt (5,11 ha). Nguyên nhân trong quá trình kiểm kê đất đai năm 2021 đã thống kê lại diện tích đất trồng cây lâu năm sang đất làm muối tại phường Bằng La, diện tích 83,49 ha

- Đất nông nghiệp khác: Năm 2022 thực hiện được 3,51 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt (3,51 ha).

b) Đất phi nông nghiệp

Kết quả thực hiện năm 2022 có 2.855,56 ha, thấp hơn 37,22 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2022 (2.892,77 ha). Cụ thể:

- Đất quốc phòng: Năm 2022 có 241,76 ha, bằng so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2022 (241,76 ha).

- Đất an ninh: Năm 2022 là 2,87 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- Đất khu công nghiệp: Năm 2022 là 131,27 ha, thấp hơn 6,62 ha so với kế hoạch được duyệt (137,89 ha). Do Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồ Sơn, chưa thực hiện xong.

- Đất thương mại dịch vụ: Năm 2022 là 325,20 ha, bằng so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022 (325,20 ha).

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Năm 2022 có 71,86 ha, cao hơn 0,09 ha so với chỉ tiêu được duyệt đến năm 2022 (71,77 ha). Diện tích cao hơn do chưa thực hiện xong chuyển mục đích sử dụng đất dự án Xây dựng trạm kiểm soát biên phòng kết hợp văn phòng thường trực PCLB-TKCN Đồn Biên phòng Đồ Sơn.

- Đất phát triển hạ tầng: Năm 2022 có 850,69 ha, thấp hơn 30,02 ha so với chỉ tiêu được duyệt đến năm 2022 (880,71 ha) diện tích thấp hơn do chưa thực hiện xong các dự án đầu tư hệ thống đường giao thông, thủy lợi, văn hóa, giáo dục,... Cụ thể là:

+ *Đất giao thông: thực hiện được 383,56 ha, thấp hơn 31,07 ha so với kế hoạch được duyệt (414,63 ha);*

+ *Đất thủy lợi: thực hiện được 101,20 ha, cao hơn 3,35 ha so với kế hoạch được duyệt (97,85 ha);*

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa: thực hiện được 0,11 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt;*

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế: thực hiện được 4,98 ha, thấp hơn 0,02 ha so với kế hoạch được duyệt (5,00 ha);*

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo: thực hiện được 14,91 ha, thấp hơn 2,10 ha so với kế hoạch được duyệt (17,01 ha);*

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao: thực hiện được 297,16 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt;*

+ *Đất công trình năng lượng: thực hiện được 3,49 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt;*

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: thực hiện được 1,14 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất có di tích, lịch sử - văn hóa: thực hiện được 3,04 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: thực hiện được 1,09 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất cơ sở tôn giáo: thực hiện được 4,50 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: thực hiện được 17,65 ha, thấp hơn 0,17 so với kế hoạch được duyệt (17,82 ha);

+ Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ: thực hiện được 12,59 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội: thực hiện được 4,27 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất chợ: thực hiện được 1,00 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Năm 2022 có 1,88 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Năm 2022 có 82,19 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt.

- Đất ở tại đô thị: Năm 2022 có 646,54 ha, thấp hơn 0,84 ha so với chỉ tiêu được duyệt đến năm 2022 (647,38 ha), đạt 99,87%. Các công trình, dự án chưa thực hiện trong năm 2022 như: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất tại TDP 8 (lô A23); Đấu giá quyền sử dụng đất khu đất số 41 đường Đình Đoài, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, ...

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Năm 2022 có 10,69 ha, thấp hơn 0,06 ha so với kế hoạch được duyệt (10,75 ha). Diện tích thấp hơn do chưa thực hiện xong dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Năm 2022 có 5,00 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Năm 2021 có 4,48 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Thực hiện được 36,27 ha, cao hơn 0,25 ha so với kế hoạch được duyệt (36,02 ha). Diện tích cao hơn do chưa thực hiện xong dự án lấy vào đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối cụ thể là Dự án xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua địa bàn quận Đồ Sơn.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Thực hiện được 444,86 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt.

c) Đất chưa sử dụng

Năm 2022, thực hiện được 13,48 ha, cao hơn 0,49 ha so với theo kế

hoạch được duyệt (12,99 ha) do quận chưa thực hiện dự án có sử dụng đất chưa sử dụng: Trạm y tế phường Hải Sơn; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất tại TDP 8 (lô A23),...

2.3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

a. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp

Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 36,49 ha, kết quả thực hiện 1,67 ha.

b. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp

Chuyển mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp: theo kế hoạch được duyệt là 0 ha.

c. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở

Chuyển mục đích đất phi nông nghiệp không phải đất ở sang đất ở theo kế hoạch được duyệt 0,93 ha, kết quả thực hiện 0,37 ha, dự án lấy vào đất phi nông nghiệp.

2.4. Kết quả thực hiện thu hồi đất

Diện tích thu hồi đất năm 2022 đã thực hiện được 22,34 ha, đạt 49,80% so với kế hoạch được duyệt (44,85 ha). Trong đó:

- Diện tích thu hồi đất nông nghiệp đã thực hiện được 14,54 ha, đạt 39,85% so với kế hoạch được duyệt (36,49 ha).
- Diện tích thu hồi đất phi nông nghiệp đã thực hiện được 7,80 ha, đạt 93,25% so với kế hoạch được duyệt (8,36 ha).

2.5. Đánh giá kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đến 31/12/2022

- Năm 2022, đã đưa 0,82 ha đất chưa sử dụng vào khai thác sử dụng cho đất phi nông nghiệp, cụ thể:

- + Xây dựng trạm kiểm soát biên phòng kết hợp văn phòng thường trực PCLB-TKCN Đồn Biên phòng Đồ Sơn: đã được giao đất.
- + Xây dựng doanh trại sở chỉ huy BCH quân sự quận: đã được giao đất.
- + Đường vào doanh trại mới Sở Chỉ huy quân sự quận: đã được giao đất.
- + Trạm y tế Phường Hải Sơn: đã làm thủ tục xin giao đất, đang chờ giao đất.

2.6. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Sau khi phân tích, đánh giá các chỉ tiêu, hạng mục sử dụng đất năm 2022, bên cạnh những kết quả đạt được còn những tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 như sau:

- Nhiều doanh nghiệp đã tiếp cận, đăng ký đầu tư dự án, nhưng chậm triển khai các bước tiếp theo để thực hiện dự án.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng một số dự án gặp nhiều khó khăn vướng mắc do người dân không đồng ý với chính sách bồi thường hỗ trợ, giá đất bồi thường làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

2.7. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

- Nhiều nhà đầu tư chưa tích cực trong phối hợp thực hiện các thủ tục về bồi thường, ứng vốn bồi thường để triển khai các dự án đã có chủ trương đầu tư.

- Các thủ tục hành chính về đầu tư, bồi thường, giao đất phải qua nhiều cấp, nhiều ngành nên có một số dự án đã thực hiện triển khai nhiều năm nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành.

- Quy định trong thời gian qua về việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn nhiều điểm chưa hợp lý, chồng chéo nội dung giữa các cấp.

- Đất đai có nguồn gốc rất phức tạp, là lĩnh vực rất nhạy cảm, liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân. Mặt khác nhận thức của một số bộ phận người dân, tổ chức sử dụng đất về chính sách pháp luật còn hạn chế, thiếu hợp tác trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, gây nhiều khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng để giao đất làm chậm triển khai nhiều dự án đầu tư.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) của quận Đồ Sơn được UBND thành phố Hải Phòng phân bổ tại Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022.

Phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của quận đã tổng hợp các danh mục công trình, dự án cấp quốc gia, cấp thành phố có trên địa bàn dự kiến thực hiện trong năm 2023.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Căn cứ danh mục các công trình, dự án đã được chấp thuận trong: Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 quận Đồ Sơn; Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt bổ sung (đợt 1) Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 quận Đồ Sơn; Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của HĐND thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn Thành phố năm 2022; Nghị quyết số 84/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 về thông qua danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023.

Căn cứ đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2023 của các phường, các cơ

quan, đơn vị trên địa bàn quận Đồ Sơn.

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, các lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn quận Đồ Sơn trong năm kế hoạch 2023 được thể hiện chi tiết tại “Biểu 10/CH: Danh mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của quận Đồ Sơn”.

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Bảng 02: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp phường*Đơn vị: ha.*

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính					
				Phường Bàn La	Phường Hải Sơn	Phường Hợp Đức	Phường Minh Đức	Phường Ngọc Xuyên	Phường Vạn Hương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Loại đất		4.781,74	967,67	572,30	563,22	535,96	1.196,28	946,30
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.808,72	759,26	77,51	357,85	247,39	341,28	25,43
	<i>Trong đó</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	473,13			263,48	112,79	96,36	0,51
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>473,12</i>			<i>263,48</i>	<i>112,79</i>	<i>96,36</i>	<i>0,49</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	115,86	61,49	4,47	12,68	17,42	19,15	0,64
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	202,30	148,21	12,78	11,43	1,12	27,19	1,58
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	503,40	389,31	53,50			40,70	19,89
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX							
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	421,92	71,65	5,36	69,06	115,57	157,47	2,81
1.8	Đất làm muối	LMU	88,60	88,60					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,51		1,39	1,21	0,50	0,41	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.960,01	206,62	493,99	205,37	288,57	848,70	916,75
	<i>Trong đó</i>								
2.1	Đất quốc phòng	CQP	241,46		121,26	0,06		37,96	82,18
2.2	Đất an ninh	CAN	2,87		2,68	0,07		0,05	0,07
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	137,89					137,89	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN							
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	342,78		15,51		17,13	30,47	279,67
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	71,86		13,08	0,81	5,03	3,06	49,88
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS							

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính					
				Phường Bàn La	Phường Hải Sơn	Phường Hợp Đức	Phường Minh Đức	Phường Ngọc Xuyên	Phường Vạn Hương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX							
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	907,15	83,78	62,79	76,19	125,98	275,88	282,53
	<i>Trong đó:</i>								
+	Đất giao thông	DGT	439,66	34,45	46,36	44,96	102,57	78,27	133,06
+	Đất thủy lợi	DTL	97,47	31,58	4,93	20,08	18,14	22,05	0,68
+	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,10		0,11	0,00			
+	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,00	0,12	1,93	0,14	0,07	1,35	1,40
+	Đất xây dựng cơ sở giáo dục	DGD	17,01	1,63	4,13	2,68	1,34	5,40	1,83
+	Đất xây dựng cơ sở thể thao	DTT	297,16		2,85	1,73	0,28	156,50	135,80
+	Đất công trình năng lượng	DNL	4,14	0,57	0,52	0,10	0,14	2,81	0,01
+	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,14	0,05	0,04	0,03	0,43		0,59
+	Đất xây dựng kho dự trữ Quốc gia	DKG							
+	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,04		0,12				2,92
+	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,09						1,09
+	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,50	0,34	0,26	1,25	0,91	1,74	
+	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	18,98	3,82	0,36	4,98	2,09	7,44	0,30
+	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	12,59	11,03	0,63				0,92
+	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	4,27					0,34	3,94
+	Đất chợ	DCH	1,00	0,19	0,57	0,24			
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL							
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,88	0,37	0,13	0,57	0,67	0,06	0,08
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	93,89		59,44		10,62	3,54	20,29
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT							

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính					
				Phường Bàn La	Phường Hải Sơn	Phường Hợp Đức	Phường Minh Đức	Phường Ngọc Xuyên	Phường Vạn Hương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	657,99	112,74	92,11	118,43	115,17	98,51	121,03
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,00	0,09	3,56	0,64	0,30	1,99	4,42
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,00	0,12	2,08	0,30		0,07	2,44
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,48	0,78	0,73	0,44	0,61	0,23	1,69
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	35,92	8,74		7,86	11,89	3,27	4,16
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	445,84		120,61		1,18	255,74	68,31
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK							
3	Đất chưa sử dụng	CSD	13,00	1,79	0,80			6,29	4,12

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

a. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức

- Công ty TNHH đầu tư Đường ven biển Hải Phòng: Dự án đầu tư Xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua địa bàn thành phố Hải Phòng và 09 Km trên địa bàn tỉnh Thái Bình theo hình thức đối tác công tư (PPP), diện tích 14,59 ha, tại phường Minh Đức.

- Công ty Liên doanh khu công nghiệp Đồ Sơn: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồ Sơn, diện tích 6,62 ha, tại phường Ngọc Xuyên.

- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng: Dự án đầu tư trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, diện tích 0,25 ha, tại phường Ngọc Xuyên.

- Tổng Công ty Điện Lực miền Bắc: Dự án đường dây và TBA 110kV Vạn Hương, diện tích 0,645 ha, tại phường Bàng La và phường Ngọc Xuyên.

- Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật: Dự án khu đô thị tại phường Minh Đức, diện tích 86,50 ha, tại phường Minh Đức

- Trung tâm PTQĐ thuộc Sở TN&MT Hải Phòng: Đấu giá quyền sử dụng đất khu đất thu hồi của Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty 28, diện tích 12,34 ha, tại phường Ngọc Xuyên; Đấu giá quyền sử dụng đất khu đất thu hồi của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam, diện tích 0,46 ha, tại phường Hải Sơn. Đã có mặt bằng sạch, đưa vào Kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

- Công ty cổ phần đầu tư Tuấn Quốc: Dự án Nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp để thực hiện Dự án xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu, diện tích 2,0 ha, tại phường Minh Đức.

- Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn làm chủ đầu tư 19 công trình, dự án:

Bảng 03: Công trình, dự án UBND quận Đồ Sơn làm chủ đầu tư

STT	Hạng mục công trình	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (km1+00) đến ngã ba Vạn Bún (đường Lý Thái Tổ)	DGT	17,00	Phường Ngọc Xuyên, phường Minh Đức, phường Vạn Hương
2	Cải tạo nút giao thông tuyến đường phía Đông công viên Đàm Vuông	DGT	0,03	Phường Hải Sơn
3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Quang Trung, phường Minh Đức (Đoạn từ nhà bà Tiên đến đường Nghĩa Phương)	DGT	0,02	Phường Minh Đức
4	Trạm y tế Phường Hải Sơn	DYT	0,02	Phường Hải Sơn
5	Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Ngọc Xuyên	DGD	0,66	Phường Ngọc Xuyên
6	Xây dựng Trường Mầm Non Vạn Hương	DGD	0,50	Phường Vạn Hương

7	Mở rộng nghĩa trang nhân dân quận Đồ Sơn	NTD	1,42	Phường Ngọc Xuyên
8	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất tại TDP 8 (lô A23)	ODT	0,62	Phường Ngọc Xuyên
9	Công trình đầu tư cơ sở hạ tầng khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại khu Đầm Cống, tổ dân phố 6, phường Ngọc Xuyên (giai đoạn 2)	ODT	0,06	Phường Ngọc Xuyên
10	Đấu giá quyền sử dụng đất khu đất số 41 đường Đinh Đoài, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn	ODT	0,15	Phường Hải Sơn
11	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn	TSC	0,21	Phường Vạn Hương
12	Đầu tư xây dựng trường tiểu học Minh Đức	DGD	0,94	Phường Minh Đức
13	Dự án xây dựng công viên cây xanh phường Ngọc Xuyên - Vạn Hương	DKV	0,78	Phường Vạn Hương
14	Dự án xây dựng công viên cây xanh phường Hải Sơn	DKV	0,30	Phường Hải Sơn
15	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Ngọc Xuyên Lô N36-2	ODT	4,336	Phường Ngọc Xuyên
16	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Ngọc Xuyên Lô N36-3	ODT	4,72	Phường Ngọc Xuyên
17	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Minh Đức Lô N24-2 và N24-3	ODT	4,691	Phường Minh Đức
18	Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Hợp Đức, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn	DGT	3,129	Phường Hợp Đức
19	Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Thượng Đức, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn	DGT	2,318	Phường Minh Đức

b. Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân

Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quận: không có.

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở xác định nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân sử dụng đất trên địa bàn quận Đồ Sơn và tổng hợp các công trình dự án chuyển tiếp từ năm 2022 sang thực hiện năm 2023, chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 của quận Đồ Sơn, cụ thể như sau:

Bảng 04: So sánh chỉ tiêu sử dụng các loại đất trong năm kế hoạch 2023*Đơn vị tính: ha.*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2022	Chỉ tiêu sử dụng đất trong KH năm 2023		So với phân bổ chỉ tiêu SDD thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng	
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)	Diện tích	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)=(7)-(5)
I	Loại đất		4.781,74	4.781,74	0,00	4.632,14	-149,60
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.912,70	1.808,72	-103,97	1.528,43	-280,29
	<i>Trong đó:</i>						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	563,11	473,13	-89,98	340,44	-132,69
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>563,09</i>	<i>473,12</i>	<i>-89,98</i>	<i>340,44</i>	<i>-132,68</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	116,37	115,86	-0,52		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	202,57	202,30	-0,27	243,81	41,51
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	503,40	503,40		479,17	-24,23
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX					
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	435,13	421,92	-13,22		
1.8	Đất làm muối	LMU	88,60	88,60			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,51	3,51			
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.855,56	2.960,01	104,45	3.089,41	129,40
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	241,76	241,46	-0,30	270,06	28,60
2.2	Đất an ninh	CAN	2,87	2,87		3,41	0,54
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	131,27	137,89	6,62	137,89	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	325,20	342,78	17,59	363,39	20,61
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	71,86	71,86		74,86	3,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2022	Chỉ tiêu sử dụng đất trong KH năm 2023		So với phân bổ chỉ tiêu SDD thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng	
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)	Diện tích	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)=(7)-(5)
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	850,69	907,15	56,46	860,25	-46,90
	<i>Trong đó:</i>						
-	Đất giao thông	DGT	383,56	439,66	56,11	458,97	19,31
-	Đất thủy lợi	DTL	101,20	97,47	-3,73	111,68	14,21
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,11	0,10	0,00	2,25	2,15
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,98	5,00	0,02	16,85	11,85
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	14,91	17,01	2,10	20,12	3,11
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	297,16	297,16		161,68	-135,48
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3,49	4,14	0,65	20,53	16,39
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,14	1,14		3,27	2,13
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG					
-	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	3,04	3,04		4,03	0,99
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,09	1,09		1,09	0,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,50	4,50		10,47	5,97
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	17,65	18,98	1,33	29,63	10,65
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	12,59	12,59			
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	4,27	4,27			
-	Đất chợ	DCH	1,00	1,00	0,00		
2.10	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL					
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,88	1,88			

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2022	Chỉ tiêu sử dụng đất trong KH năm 2023		So với phân bổ chỉ tiêu SDD thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng	
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)	Diện tích	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)=(7)-(5)
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	82,19	93,89	11,70		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	646,54	657,99	11,45	787,78	129,79
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,69	11,00	0,31	11,20	0,20
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,00	5,00		3,94	-1,06
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,48	4,48			
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	36,27	35,92	-0,35		
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	444,86	445,84	0,98		
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	Đất chưa sử dụng	CSD	13,48	13,00	-0,48	14,30	1,30

* *Đánh giá chung:*

- Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của quận phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 quận Đồ Sơn được phân bổ tại Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng. Chi tiết đối với từng loại đất như sau:

3.3.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp thực hiện đến năm 2023 là 1.808,72 ha, giảm 103,97 ha so với năm 2022, cao hơn 280,29 ha so với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trên địa bàn quận (1.528,43 ha). Phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ.

Kế hoạch sử dụng đất chi tiết các loại đất trong đất nông nghiệp, như sau:

- Đất trồng lúa: Năm 2023 có 473,13 ha, giảm 89,98 ha so với năm 2022, cao hơn 132,69 ha so với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng (340,44 ha). Diện tích giảm do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 44,76 ha (*đất giao thông 42,73 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo 1,78 ha; đất năng lượng 0,08 ha; đất nghĩa địa 0,17*); đất khu vui chơi giải trí công cộng 11,40 ha; đất ở tại đô thị 15,55 ha; đất trụ sở, cơ quan 0,46 ha. Phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Năm 2023 có 115,86 ha, giảm 0,52 ha so với năm 2022. Diện tích giảm do chuyển sang đất ở đô thị 0,52 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: Năm 2023 có 202,30 ha, giảm 0,27 ha so với năm 2022, thấp hơn 41,51 ha so với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng (243,81 ha). Diện tích đất trồng cây lâu năm thấp hơn chỉ tiêu phân bổ nguyên nhân do thống kê đất đai năm 2021 đã điều chỉnh lại 83,49 ha, tại phường Bàng La (đất trồng cây lâu năm sang đất làm muối). Diện tích năm 2023 giảm do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 0,27 ha (*đất giao thông 0,20 ha; đất năng lượng 0,07 ha*). Chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm chưa phù hợp với Chỉ tiêu được Thành phố phân bổ tuy nhiên nguyên nhân do cập nhật diện tích để phù hợp với hiện trạng sử dụng đất (Số liệu Thống kê đất đai năm 2021, năm 2022).

- Đất rừng phòng hộ: Năm 2023 có 503,40 ha, giữ nguyên so với năm 2022, cao hơn 24,23 ha so với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng (479,17 ha). Phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Năm 2023 có 421,92 ha, giảm 13,22 ha so với năm 2022. Diện tích giảm do chuyển sang đất khu công nghiệp 6,47; đất phát triển hạ tầng 6,15 ha (*đất giao thông 4,29 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,22 ha; đất năng lượng 0,50 ha*).

- Đất làm muối: Năm 2023 có 88,60 ha, giữ nguyên so với năm 2022.

- Đất nông nghiệp khác: Năm 2023 có 3,51 ha, giữ nguyên so với năm 2022.

b. Đất phi nông nghiệp

Năm 2023, diện tích đất phi nông nghiệp của quận có 2.960,01 ha, tăng 104,45 ha so với năm 2022, thấp hơn 129,40 ha so với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng (3.089,41 ha). Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 2.849,53 ha. Phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ.

Kế hoạch sử dụng đất chi tiết các loại đất trong đất phi nông nghiệp, như sau:

- Đất quốc phòng: Năm 2023 có 241,46 ha, giảm 0,30 ha so với năm 2022, thấp hơn 28,60 ha so với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng (270,06 ha). Diện tích không thay đổi mục đích trong năm 2023 là 241,46 ha, diện tích giảm 0,30 ha do chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng. Phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ.

- Đất an ninh: Năm 2023 có 2,87 ha, giữ nguyên so với năm 2022, thấp hơn 0,54 ha so với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng (3,41 ha). Phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ.

- Đất khu công nghiệp: Năm 2023 có 137,89 ha, tăng 6,62 so với năm 2022, bằng so với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng (137,89 ha). Phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ.

- Đất thương mại, dịch vụ: Năm 2023 có 342,78 ha, thấp hơn 20,61 ha so với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng (363,39 ha). Phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Năm 2023 có 71,86 ha, thấp hơn 3,00 ha so với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng (74,86 ha). Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 71,86 ha, không biến động so với năm 2022. Phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ.

- Đất phát triển hạ tầng: Năm 2023 có 907,15 ha, tăng 56,46 ha so với năm 2022, cao hơn 46,90 ha so với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng (860,25 ha). Diện tích không thay đổi mục đích trong năm 2023 là 850,54 ha.

Trong đó, thực tăng là 56,61 ha được lấy từ đất trồng lúa 44,76 ha; đất trồng cây lâu năm 0,27 ha; đất nuôi trồng thủy sản 6,15 ha; đất ở tại đô thị 4,87 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,35 ha; đất chưa sử dụng 0,02 ha. Đồng thời giảm 0,15 ha do chuyển sang đất khu công nghiệp 0,15 ha. Ngoài ra còn tăng, giảm trong nội bộ đất phát triển hạ tầng.

Chưa phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được Thành phố phân bổ. Tuy nhiên nguyên nhân do cập nhật diện tích để phù hợp với hiện trạng sử dụng đất, trong đó: Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao và một số loại đất hạ tầng khác của Dự án Khu du lịch quốc tế Đồi Rồng do Dự án lấn biển làm tăng tổng diện tích tự nhiên của Quận và tăng diện tích một số loại đất đã nêu trên (Số liệu Thống kê đất đai năm 2021, năm 2022).

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Năm 2023 có 1,88 ha, giữ nguyên so với năm 2022.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Năm 2023 có 93,89 ha, tăng 11,70 ha so với năm 2022. Trong đó lấy vào đất trồng lúa 11,40 ha; đất quốc phòng 0,30 ha.

- Đất ở tại đô thị: Năm 2023 có 657,99 ha, tăng 11,45 ha so với năm 2022, thấp hơn 129,79 ha so với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng (787,78 ha). Diện tích không thay đổi mục đích trong năm 2023 là 641,67 ha. Trong đó, thực tăng là 16,32 ha, được lấy từ đất trồng lúa 15,55 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,15 ha. Đồng thời, giảm 4,87 ha do chuyển sang đất giao thông 4,77 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,10 ha. Phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Năm 2023 có 11,00 ha, tăng 0,31 ha so với năm 2022, thấp hơn 0,20 ha so với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng (11,20 ha). Diện tích không thay đổi mục đích trong năm 2023 là 10,54 ha. Trong đó, thực tăng là 0,46 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,46 ha. Đồng thời giảm 0,15 ha do chuyển sang đất ở tại đô thị. Phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Năm 2023 có 5,00 ha, giữ nguyên so với năm 2022, cao hơn 1,06 ha so với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng (3,94 ha). Chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp chưa phù hợp với Chỉ tiêu được Thành phố phân bổ tuy nhiên nguyên nhân do cập nhật diện tích để phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và một số Dự án chuyển đổi đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp sang các loại đất phi nông nghiệp trong giai đoạn (2021-2030) chưa thực hiện (Số liệu Thống kê đất đai năm 2021, năm 2022).

- Đất tín ngưỡng: Năm 2023 có 4,48 ha, giữ nguyên so với năm 2022.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Năm 2023 có 35,92 ha, giảm 0,35 ha do chuyển sang đất giao thông.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Năm 2023 có 445,84 ha, giảm 0,20 ha do chuyển sang đất giao thông.

c. Đất chưa sử dụng

Kế hoạch năm 2023, diện tích đất chưa sử dụng còn lại 13,00 ha, giảm 0,48 ha so với năm 2022, thấp hơn 1,30 ha với Chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ (2021-2030) theo Văn bản số 3051/UBND-ĐC3 ngày 10/5/2022 của UBND TP. Hải Phòng (14,30 ha). Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch là 13,00 ha. Diện tích giảm do chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 0,46 ha, đất phát triển hạ tầng 0,02 ha (*đất y tế 0,02 ha*). Phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng như sau:

a) Chuyển 103,97 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, bao gồm:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp 89,98 ha.
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp 0,27 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp 13,22 ha.

b) Chuyển đổi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 0,15 ha.

(Chi tiết tại Biểu 07/CH)

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Diện tích các loại đất cần thu hồi trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (*bao gồm cả phần diện tích cần thu hồi năm 2022 chưa thực hiện hết được chuyển tiếp*) với tổng diện tích cần thu hồi 110,00 ha. Cụ thể là:

+ Tổng diện tích đất nông nghiệp phải thu hồi là 103,97 ha. Trong đó:

- Đất trồng lúa: 89,98 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,52 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 0,27 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản 13,22 ha.

+ Tổng diện tích đất phi nông nghiệp phải thu hồi là 6,02 ha. Trong đó:

- Đất quốc phòng: 0,30 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 0,15 ha;
- Đất ở tại đô thị: 4,87 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,15 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 0,35 ha;

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,20 ha.

(Chi tiết xem tại Biểu 08/CH)

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Dự kiến trong năm kế hoạch 2023 sẽ khai thác để đưa 0,48 ha đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích: đất thương mại, dịch vụ 0,46 ha, đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã 0,02 ha (*đất xây dựng cơ sở y tế 0,02 ha*).

(Chi tiết xem tại Biểu 09/CH)

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2023

(Chi tiết xem tại Biểu 10/CH)

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

3.8.1. Cơ sở tính toán

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 quận Đồ Sơn – thành phố Hải Phòng được dựa trên các căn cứ chính sau:

- Luật Đất đai 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu hồi tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
- Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng 05 năm (2020-2024);

- Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 21/5/2020 của UBND thành phố Hải Phòng Về việc Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2020;

- Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 09/09/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh cục bộ giá đất tại vị trí một số tuyến đường trong Bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn Thành phố.

3.8.2. Phương pháp tính toán

** Đối với các khoản thu:*

- Thu tiền từ đầu giá quyền sử dụng đất.
- Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.
- Thu tiền khi cho thuê đất.

** Đối với các khoản chi:*

Chi bồi thường khi thu hồi đất để chuyển sang mục đích sử dụng phi nông nghiệp bao gồm các hạng mục sau:

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất lâm nghiệp;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

** Về giá các loại đất:*

Lấy theo đơn giá đất được điều chỉnh theo bảng giá đất 5 năm có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 của thành phố Hải Phòng.

** Về mức chi bồi thường khi thu hồi đất:*

Theo cơ chế bồi thường về đất đai khi Nhà nước thu hồi đất, hỗ trợ về chi phí đầu tư vào đất, tài sản trên đất và các hỗ trợ khác trong quá trình giải phóng mặt bằng các dự án.

3.8.3. Kết quả tính toán

Ước tính cân đối thu chi từ đất trên địa bàn quận trong năm Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 71,214 tỷ đồng.

Bảng 05: Dự kiến các khoản thu chi trong năm kế hoạch

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Giá trung bình (đồng/m ²)	Thành tiền (triệu đồng)
I	Thu giao đất, cho thuê đất			1.982.826
1	Thu từ giao đất cho thuê đất			1.882.826
1.1	Đất ở tại đô thị	22,43	8.000.000	1.794.546
1.2	Đất khu công nghiệp	6,62	1.000.000	66.200
1.3	Đất thương mại, dịch vụ	0,46	4.800.000	22.080
2	Thu tiền cho thuê đất hàng năm, từ thuế trước bạ, thuế chuyển quyền sử dụng đất được ước tính trên cơ sở thu từ các năm trước			100.000
II	Các khoản chi			1.911.612
1	Chi bồi thường			637.204
1.1	Đất trồng lúa	89,98	130.000	116.968
	Chi phí bảo vệ đất trồng lúa	89,98	130.000	116.968
1.2	Đất trồng cây lâu năm	0,27	140.000	372
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	13,22	100.000	13.216
1.4	Đất ở tại đô thị	4,87	8.000.000	389.680
2	Chi hỗ trợ di dời, tái định cư, chuyển đổi đào tạo nghề			1.274.408
III	Cân đối thu - chi (I-II)			71.214

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2023 có tính khả thi cao, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quận Đồ Sơn cần thực hiện các giải pháp cụ thể như sau:

4.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

** Các biện pháp nhằm chống xói mòn, rửa trôi, hủy hoại đất*

- Hạn chế việc sử dụng chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp, mạnh dạn chuyển dần sang sản xuất nông nghiệp theo công nghệ sinh học và giám sát chặt chẽ việc sử dụng chất thải công nghiệp độc hại trước khi thải ra môi trường chung quanh không ảnh hưởng tới môi trường đất và môi trường sống của nhân dân.

** Các biện pháp nhằm sử dụng tiết kiệm và tăng giá trị sử dụng đất*

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các phương án quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất: Quy hoạch phát triển các đô thị, cụm công nghiệp, điểm tiêu thụ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ. Đặc biệt lưu ý tăng tỷ lệ đất phi nông nghiệp ở các địa bàn này ngay từ khi lập quy hoạch chi tiết.

- Phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế: Giao thông, thủy lợi, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ...

- Giao đất theo kế hoạch, năng lực khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất mới. Đất đã giao khi hết hạn sử dụng phải thu hồi kịp thời.

**Giải pháp bảo vệ môi trường:*

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho người dân, các doanh nghiệp, nhà quản lý thông qua các hình thức như: Phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước về công tác bảo vệ môi trường, thường xuyên tổ chức, tập huấn, hội thảo, thi tìm hiểu... về công tác bảo vệ môi trường đến các tầng lớp nhân dân.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường bằng việc lồng ghép quy hoạch bảo vệ môi trường với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển đô thị, phát triển tiểu thủ công nghiệp, phát triển mạng lưới giao thông...

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, nghiên cứu và áp dụng phương thức quản lý tổng hợp môi trường thông qua cơ chế, chính sách, đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch để hài hòa các mục tiêu phát triển của từng địa phương.

- Áp dụng các biện pháp kinh tế, nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm nguyên tắc “người gây ô nhiễm, thiệt hại đối với môi trường phải bồi thường, khắc phục”.

- Các giải pháp bảo vệ môi trường nước: hạn chế nguồn thải từ các khu tiểu thủ công nghiệp, chợ, khu dân cư nông thôn, đô thị... vào môi trường nước. Thực hiện nghiêm các quy định bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, từng bước đưa chúng trở thành các khu sản xuất sinh thái, thân thiện với môi trường.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá nhằm nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động qua đào tạo và sức khỏe người lao động.

- Có các chính sách đãi ngộ để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi cho các ngành của quận (như tạo điều kiện về cấp đất, nhà ở, tuyển dụng thẳng vào biên chế nhà nước, không qua tập sự. Có chính sách hỗ trợ và chế độ đãi ngộ thỏa đáng để thu hút, khuyến khích trí thức trẻ về công tác tại quận cũng như tại các phường).

- Tăng cường bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất và năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành.

- Mở rộng dạy nghề, truyền nghề bằng nhiều hình thức thích hợp, có chính sách khuyến khích hỗ trợ học nghề cho lực lượng lao động; chú trọng đào tạo lao động là người địa phương, sử dụng họ vào các doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Cần ưu tiên đầu tư tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của quận được UBND thành phố phê duyệt, UBND quận giao cho phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND các phường và các ngành tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành và nhân dân tham gia quản lý, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất. Trong quá trình triển khai cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

4.3.1. Giải pháp về quản lý hành chính

- Ban hành các văn bản quy định về việc lập, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Không cấp phép đầu tư, giao cấp đất đối với những dự án, công trình không đăng ký trong kỳ kế hoạch (ngoại trừ các công trình mang tính cấp bách vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng). Ban hành một số văn bản quy định riêng đối với từng vùng, từng khu vực đã được xác định mục đích theo hướng mở rộng, nhằm thu hút đầu tư: Khu vực dịch vụ kinh doanh, khu công nghiệp, chợ và trung tâm phường...

- Tăng cường việc kiểm tra tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp dưới, kiểm tra tình hình sử dụng đất công. Có biện pháp xử lý cụ thể đối với các trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Nghiên cứu xây dựng các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp, các hiệp hội cung ứng giống cây trồng, hiệp hội sản xuất chuyên canh cây ăn quả, lúa xuất khẩu... Qua đó tạo điều kiện cho người dân đầu tư phát triển, đồng thời cũng góp phần nâng cao tính khả thi của quy hoạch.

- Tiếp tục nghiên cứu cải tiến thực hiện thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá, hiệu quả cho các thủ tục: chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất, giao cấp đất, thẩm định các dự án sử dụng đất...

4.3.2. Giải pháp về kinh tế

- Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá (khu đô thị, chợ đầu mối, các trục giao thông nội thị ...).

- Thực hiện chính sách đổi đất tạo vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng, thông qua các biện pháp: Chuyển đổi vị trí có lợi thế tiềm năng về kinh doanh dịch vụ

và thương mại, phát triển đô thị; Khai thác hiệu quả về mặt vị trí thuận lợi, về dịch vụ thương mại, công nghiệp, các khu dân cư đô thị... đối với khu vực ven trục giao thông, các phường và các chợ đầu mối...

- Chỉ đạo UBND các phường căn cứ vào các mục tiêu của kế hoạch tiến hành xây dựng các phương án đầu tư bằng nhiều hình thức để kêu gọi người dân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư cùng thực hiện.

4.3.3. Giải pháp về kỹ thuật

- Chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai thực hiện danh mục các công trình dự án mang tính trọng điểm có ý nghĩa là đòn bẩy phát triển kinh tế xã hội của từng vùng, từng địa phương đã được đăng ký trong kỳ kế hoạch, phân loại cụ thể từng mục đích sử dụng đất trong kỳ kế hoạch, xác định cụ thể đối tượng đầu tư nhằm chủ động trong việc mời gọi vốn đầu tư.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên môn cán bộ địa chính phường để nâng cao năng lực quản lý, đồng thời giúp cán bộ cơ sở có nhận thức chính xác hơn về mục đích và vai trò của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong quản lý đất đai.

- Các phòng ban của quận phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện ngân sách cho các hạng mục công trình đầu tư theo đúng tiến độ đã đăng ký trong kỳ kế hoạch đã được phê duyệt.

- Tăng cường quản lý việc thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn quận, thường xuyên kiểm tra giám sát hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh, nhằm góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

4.3.4. Giải pháp giải phóng mặt bằng

Để hoàn thành đúng tiến độ các dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của quận, cần thực hiện một số giải pháp đẩy mạnh công tác GPMB trong thời gian tới, như:

- UBND quận tập trung thực hiện nhiệm vụ GPMB đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư và đã có nguồn vốn nhưng chưa hoàn thành công tác GPMB. Nhất là các dự án đầu tư công, các dự án đấu giá quyền sử dụng đất tại quận...

- Tập trung giải quyết dứt điểm những vướng mắc về đất đai, cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư, nguồn vốn để hoàn thành công tác GPMB. Nhất là nâng cao vai trò của UBND các phường trong việc xác định nguồn gốc đất đai làm cơ sở cho việc bồi thường, hỗ trợ về đất trong công tác bồi thường GPMB. Khi mọi quyền lợi về chế độ bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đã được bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, nếu hộ dân nào cố tình không bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thực hiện dự án thì thành phố kiên quyết thực hiện cưỡng chế thu hồi đất để bàn giao cho chủ đầu tư.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện GPMB của các địa phương. Trong đó, chú trọng kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch GPMB, tình hình thực hiện cam kết giữa UBND quận với chủ đầu tư dự án; tiến độ thực hiện GPMB các dự án mà quận đã cam kết với chủ đầu tư; những khó khăn, vướng mắc đối với từng dự án và thống nhất biện pháp giải quyết kịp thời.

4.4. Các giải pháp khác

- Khai thác sử dụng đất đi đôi với bảo vệ môi trường, chú trọng xử lý chất thải ở các khu, điểm công nghiệp, TT - CN... đảm bảo chất thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường, tránh gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường. Đi đôi với khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất sản xuất nông nghiệp, tái tạo cảnh quan, lớp che phủ bề mặt đất khai thác khoáng sản sau khai thác... Nhằm giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường đất đai, không khí, nguồn nước để sử dụng đất bền vững.

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý đất đai để giúp cho UBND các cấp làm tốt công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo Luật Đất đai năm 2013.

- Thực hiện quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Bao gồm việc lập, thẩm định, xét duyệt dự án, giao đất phải theo đúng quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch kiến nghị bổ sung và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo pháp luật quy định.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, nhằm đáp ứng nhu cầu cho các ngành thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh - quốc phòng, là cơ sở khoa học và pháp lý để quản lý sử dụng đất có hiệu quả tiết kiệm. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của quận Đồ Sơn đã thực hiện đầy đủ tính chất này.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của quận được xây dựng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất từ các sở, ngành (cấp thành phố), các phòng, ban và Ủy ban nhân dân các phường, các tổ chức sử dụng đất.... Vì vậy, mức độ chi tiết và đầy đủ đảm bảo theo yêu cầu và cụ thể theo từng công trình, từng loại đất.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của quận được phê duyệt sẽ là cơ sở thực hiện việc thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn quận.

- Việc phân bổ quỹ đất cho các ngành, các lĩnh vực trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được tính toán đầy đủ, tiết kiệm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất theo yêu cầu phát triển của từng ngành, lĩnh vực trên cơ sở định mức sử dụng đất,... khai thác vị trí thuận lợi và những ưu thế của quận.

II. KIẾN NGHỊ

- Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quan tâm xem xét, sớm phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của quận Đồ Sơn gồm 27 công trình, dự án và nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 165,44 ha, trong đó:

- + Số dự án đề nghị chuyển tiếp từ năm 2022 (14 dự án được phê duyệt tại Quyết định số 1655/QĐ-UBND, ngày 07/6/2022; 02 dự án được phê duyệt tại Quyết định 2474/QĐ-UBND ngày 01/8/2022), diện tích 44,02 ha;

- + Số dự án mới: 11 dự án, diện tích 121,42 ha.

- Đề nghị UBND Thành phố chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư được UBND thành phố giao đất, cho thuê đất để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm đối với những trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng đất sai mục đích hoặc sử dụng đất không có hiệu quả.

- Đề nghị UBND thành phố bổ sung kinh phí, thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của quận được thực hiện đúng tiến độ, thời gian./.

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022, QUẬN ĐÔ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

ĐVT: ha

STT	Chi tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính					
				Phường Bàng La	Phường Hải Sơn	Phường Hợp Đức	Phường Minh Đức	Phường Ngọc Xuyên	Phường Vạn Hương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tổng diện tích tự nhiên		4.781,74	967,67	572,30	563,22	535,96	1.196,28	946,30
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.912,70	759,83	77,51	357,85	322,41	367,88	27,22
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	563,11			263,48	185,50	112,13	2,00
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>563,09</i>			<i>263,48</i>	<i>185,50</i>	<i>112,13</i>	<i>1,98</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	116,37	61,49	4,47	12,68	17,42	19,67	0,64
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	202,57	148,27	12,78	11,43	1,12	27,19	1,78
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	503,40	389,31	53,50			40,70	19,89
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX							
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	435,13	72,15	5,36	69,06	117,87	167,78	2,91
1.8	Đất làm muối	LMU	88,60	88,60					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,51		1,39	1,21	0,50	0,41	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.855,56	206,05	493,51	205,37	213,55	822,11	914,96
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất quốc phòng	CQP	241,76		121,56	0,06		37,96	82,18
2.2	Đất an ninh	CAN	2,87		2,68	0,07		0,05	0,07
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	131,27					131,27	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN							
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	325,20		15,05			30,47	279,67
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	71,86		13,08	0,81	5,03	3,06	49,88
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS							
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX							
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	850,69	83,21	62,74	76,10	82,67	265,98	279,98
	<i>Trong đó:</i>								
+	Đất giao thông	DGT	383,56	34,45	46,33	44,25	57,65	70,17	130,71
+	Đất thủy lợi	DTL	101,20	31,58	4,93	20,70	20,69	22,32	0,98
+	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,11		0,11				
+	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,98	0,12	1,91	0,14	0,07	1,35	1,40
+	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	14,91	1,63	4,13	2,68	0,40	4,74	1,33
+	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	297,16		2,85	1,73	0,28	156,50	135,80
+	Đất công trình năng lượng	DNL	3,49		0,52	0,10	0,14	2,73	0,01
+	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,14	0,05	0,04	0,03	0,43		0,59
+	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG							
+	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	3,04		0,12				2,92
+	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,09						1,09
+	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,50	0,34	0,26	1,25	0,91	1,74	
+	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	17,65	3,82	0,36	4,98	2,10	6,11	0,30
+	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	12,59	11,03	0,63				0,92
+	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	4,27					0,34	3,94
+	Đất chợ	DCH	1,00	0,19	0,57	0,24			
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL							
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,88	0,37	0,13	0,57	0,67	0,06	0,08
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	82,19		59,14			3,54	19,51
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT							
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	646,54	112,74	91,98	118,52	112,13	88,68	122,48
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,69	0,09	3,72	0,64	0,30	1,74	4,21
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,00	0,12	2,08	0,30		0,07	2,44
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,48	0,78	0,73	0,44	0,61	0,23	1,69
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	36,27	8,74		7,86	12,14	3,27	4,26
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	444,86		120,61			255,74	68,51
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK							
3	Đất chưa sử dụng	CSD	13,48	1,79	1,28			6,29	4,12

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC
QUẬN ĐỒ SON, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện 2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)	(7) = (5)/(4)*100%
	Tổng diện tích		4.781,74	4.781,74		100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.875,97	1.912,70	36,72	101,96
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	536,20	563,11	26,91	105,019
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>536,20</i>	<i>563,09</i>	<i>26,89</i>	<i>105,02</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	117,43	116,37	-1,06	99,10
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	284,69	202,57	-82,12	71,15
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	503,40	503,40		100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	425,63	435,13	9,50	102,23
1.8	Đất làm muối	LMU	5,11	88,60	83,49	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,51	3,51		100,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.892,77	2.855,56	-37,22	98,71
	Trong đó:					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	241,76	241,76	0,00	100,00
2.2	Đất an ninh	CAN	2,87	2,87		99,97
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	137,89	131,27	-6,62	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	325,20	325,20		100,00
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	71,77	71,86	0,09	100,12
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	880,71	850,69	-30,02	96,59
	Trong đó:					
+	Đất giao thông	DGT	414,63	383,56	-31,07	92,51
+	Đất thủy lợi	DTL	97,85	101,20	3,35	103,42
+	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,11	0,11	0,00	96,00
+	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,00	4,98	-0,02	99,69
+	Đất xây dựng cơ sở giáo dục	DGD	17,01	14,91	-2,10	87,65
+	Đất xây dựng cơ sở thể thao	DTT	297,16	297,16		100,00
+	Đất công trình năng lượng	DNL	3,49	3,49		100,00
+	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,14	1,14		100,00
+	Đất xây dựng kho dự trữ Quốc gia	DKG				
+	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,04	3,04		100,00
+	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,09	1,09		100,00
+	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,50	4,50		100,00
+	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	17,82	17,65	-0,17	99,06
+	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	12,59	12,59		
+	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	4,27	4,27		
+	Đất chợ	DCH	1,00	1,00		100,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,88	1,88		100,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	82,19	82,19		100,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	647,38	646,54	-0,84	99,87
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,75	10,69	-0,06	99,47
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,00	5,00		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,48	4,48		100,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	36,02	36,27	0,25	100,69
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	444,86	444,86		100,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	CSD	12,99	13,48	0,49	103,79

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA QUẬN ĐÔ SON, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đơn vị: ha

STT	Chi tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính					
				Phường Bàng La	Phường Hải Sơn	Phường Hợp Đức	Phường Minh Đức	Phường Ngọc Xuyên	Phường Vạn Hương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Loại đất		4.781,74	967,67	572,30	563,22	535,96	1.196,28	946,30
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.808,72	759,26	77,51	357,85	247,39	341,28	25,43
	<i>Trong đó</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	473,13			263,48	112,79	96,36	0,51
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	473,12			263,48	112,79	96,36	0,49
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	115,86	61,49	4,47	12,68	17,42	19,15	0,64
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	202,30	148,21	12,78	11,43	1,12	27,19	1,58
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	503,40	389,31	53,50			40,70	19,89
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX							
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	421,92	71,65	5,36	69,06	115,57	157,47	2,81
1.8	Đất làm muối	LMU	88,60	88,60					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	3,51		1,39	1,21	0,50	0,41	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.960,01	206,62	493,99	205,37	288,57	848,70	916,75
	<i>Trong đó</i>								
2.1	Đất quốc phòng	CQP	241,46		121,26	0,06		37,96	82,18
2.2	Đất an ninh	CAN	2,87		2,68	0,07		0,05	0,07
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	137,89					137,89	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN							
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	342,78		15,51		17,13	30,47	279,67
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	71,86		13,08	0,81	5,03	3,06	49,88
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS							
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX							
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	907,15	83,78	62,79	76,19	125,98	275,88	282,53
	<i>Trong đó:</i>								
+	<i>Đất giao thông</i>	DGT	439,66	34,45	46,36	44,96	102,57	78,27	133,06
+	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	97,47	31,58	4,93	20,08	18,14	22,05	0,68
+	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	0,10		0,11	0,00			
+	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	5,00	0,12	1,93	0,14	0,07	1,35	1,40
+	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục</i>	DGD	17,01	1,63	4,13	2,68	1,34	5,40	1,83
+	<i>Đất xây dựng cơ sở thể thao</i>	DTT	297,16		2,85	1,73	0,28	156,50	135,80
+	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	4,14	0,57	0,52	0,10	0,14	2,81	0,01
+	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	DBV	1,14	0,05	0,04	0,03	0,43		0,59
+	<i>Đất xây dựng kho dự trữ Quốc gia</i>	DKG							
+	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	DDT	3,04		0,12				2,92
+	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	DRA	1,09						1,09
+	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	TON	4,50	0,34	0,26	1,25	0,91	1,74	
+	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ</i>	NTD	18,98	3,82	0,36	4,98	2,09	7,44	0,30
+	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	DKH	12,59	11,03	0,63				0,92
+	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	DXH	4,27					0,34	3,94
+	<i>Đất chợ</i>	DCH	1,00	0,19	0,57	0,24			
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL							
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,88	0,37	0,13	0,57	0,67	0,06	0,08
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	93,89		59,44		10,62	3,54	20,29
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT							
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	657,99	112,74	92,11	118,43	115,17	98,51	121,03
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,00	0,09	3,56	0,64	0,30	1,99	4,42
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,00	0,12	2,08	0,30		0,07	2,44
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,48	0,78	0,73	0,44	0,61	0,23	1,69
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	35,92	8,74		7,86	11,89	3,27	4,16
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	445,84		120,61		1,18	255,74	68,31
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK							
3	Đất chưa sử dụng	CSD	13,00	1,79	0,80			6,29	4,12
II	Đất khu chức năng								
1	Đất khu công nghệ cao	KCN							
2	Đất khu kinh tế	KKT							
3	Đất đô thị	KDT	4.781,74	967,67	572,30	563,22	535,96	1.196,28	946,30
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên t	KNN	510,99			284,555	121,811	104,070	0,549
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng SX)	KLN	503,40	389,31	53,50			40,70	19,89
6	Khu du lịch	KDL	20,29						20,29
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT							
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	137,89					137,89	
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC							
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	342,78		15,51		17,13	30,47	279,67
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV							
12	Khu dân cư nông thôn	DNT							
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON							

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

ĐVT: Ha

STT	Chi tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính					
				Phường Bàng La	Phường Hải Sơn	Phường Hợp Đức	Phường Minh Đức	Phường Ngọc Xuyên	Phường Vạn Hương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	103,97	0,57			75,02	26,60	1,79
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	89,98				72,72	15,77	1,49
	<i>Trong đó: Đất chuyển trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	89,98				72,72	15,77	1,49
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,52					0,52	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,27	0,07				0,001	0,20
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN							
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN							
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	13,22	0,50			2,31	10,31	0,10
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN							
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN							
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp								
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN							
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP							
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS							
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU							
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS							
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU							
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)							
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)							
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)							
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR(a)</i>							
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,15		0,15				

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 CỦA QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đơn vị: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính					
				Phường Bàng La	Phường Hải Sơn	Phường Hợp Đức	Phường Minh Đức	Phường Ngọc Xuyên	Phường Vạn Hương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất nông nghiệp	NNP	103,97	0,57			75,02	26,60	1,79
	<i>Trong đó</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	89,98				72,72	15,77	1,49
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	89,98				72,72	15,77	1,49
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,52					0,52	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,27	0,07				0,001	0,20
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH							
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX							
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	13,22	0,50			2,31	10,31	0,10
1.8	Đất làm muối	LMU							
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH							
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6,02		0,48	0,09	3,55	0,15	1,75
	<i>Trong đó</i>								
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,30		0,30				
2.2	Đất an ninh	CAN							
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK							
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN							
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD							
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC							
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS							
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX							
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,15					0,15	
	<i>Trong đó:</i>								
+	Đất giao thông	DGT							
+	Đất thủy lợi	DTL	3,73			0,62	2,55	0,27	0,30
+	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,002			0,002			
+	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT							
+	Đất xây dựng cơ sở giáo dục	DGD							
+	Đất xây dựng cơ sở thể thao	DTT							
+	Đất công trình năng lượng	DNL							
+	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV							
+	Đất xây dựng kho dự trữ Quốc gia	DKG							
+	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT							
+	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA							
+	Đất cơ sở tôn giáo	TON							
+	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	0,003				0,003		
+	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH							
+	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH							
+	Đất chợ	DCH	0,002			0,002			
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL							
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH							
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV							
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT							
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	4,87		0,03	0,09	3,30		1,45
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,15		0,15				
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS							
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN							
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,35				0,25		0,10
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,20						0,20
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK							

Đơn vị: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính					
				Phường Bàng La	Phường Hải Sơn	Phường Hợp Đức	Phường Minh Đức	Phường Ngọc Xuyên	Phường Vạn Hương
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tổng diện tích		0,48		0,48				
1	Đất nông nghiệp	NNP							
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,48		0,48				
	Trong đó								
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,46		0,46				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,02		0,02				
	Trong đó:								
+	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,02		0,02				
+	Đất xây dựng cơ sở giáo dục	DGD							
+	Đất xây dựng cơ sở thể thao	DTT							
+	Đất công trình năng lượng	DNL							
+	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV							
+	Đất xây dựng kho dự trữ Quốc gia	DKG							
+	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT							
+	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA							
+	Đất cơ sở tôn giáo	TON							
+	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD							
+	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH							
+	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH							
+	Đất chợ	DCH							
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL							
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH							
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV							
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT							
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT							
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC							
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS							
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN							
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON							
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC							
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK							

Biểu 10/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 QUẬN ĐỒ SƠN
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /02/2023 của UBND quận Đồ Sơn)

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB	Đã GPMB	Diện tích tăng thêm					
I. DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP (16 DỰ ÁN)											
1	Dự án đầu tư Xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua địa bàn thành phố Hải Phòng và 09 Km trên địa bàn tỉnh Thái Bình theo hình thức đối tác công tư (PPP)	Công ty TNHH Đầu tư đường ven biển Hải Phong	14,59		14,59		ODT; NTS; LUA; DHT; SON	DGT	Phường Minh Đức		- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Thông qua danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất, mức vốn ngân sách Nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2018; - Công văn số 349/TTg-NN ngày 15/3/2018 của Thủ tướng chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án trên địa bàn thành phố Hải Phòng; - Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi (lần 2) của Dự án. - UBND quận đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB.
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (km1+00) đến ngã ba Vạn Bún (đường Lý Thái Tổ)	UBND quận Đồ Sơn	17,00		8,00	9,00	LUC; NTS; CLN; ODT; DTL	DGT	Phường Ngọc Xuyên, phường Minh Đức, phường Vạn Hương	Phường Ngọc Xuyên: gồm từ 25,33,38,39 Phường Vạn Hương; Phường Minh Đức	- Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 9/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quyết định chủ trương đầu tư; - Quyết định số 1963 ngày 10/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt dự án đầu tư; - Nghị quyết số 41/NQ-HĐND, ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua điều chỉnh bổ sung danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2021; Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (km1+00) đến ngã ba Vạn Bún (đường Lý Thái Tổ), quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng
3	Cải tạo nút giao thông tuyến đường phía Đông công viên Đầm Vuông	UBND quận Đồ Sơn	0,03		0,03		ODT	DGT	Phường Hải Sơn		- Nghị quyết số 68/NQ-HĐND, ngày 9/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố thông qua danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất, mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2020; - Quyết định 1782/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; - Quyết định 2082/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; - Hoàn thành công tác GPMB. Đang làm thủ tục xin giao đất.

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB	Đã GPMB	Diện tích tăng thêm					
4	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Quang Trung, phường Minh Đức (Đoạn từ nhà bà Tiệp đến đường Nghĩa Phương)	UBND quận Đồ Sơn	0,02		0,02		ODT	DGT	Phường Minh Đức	Tờ 29, thửa 427	- Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật; - Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Về việc thông qua danh mục các dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2021; - Hoàn thành công tác GPMB, đang làm thủ tục xin giao đất.
5	Trạm y tế Phường Hải Sơn	UBND quận Đồ Sơn	0,02		0,02		BCS	DYT	Phường Hải Sơn	Tờ 36, thửa 79	- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 về việc thông qua việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án phải THĐ; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2019; - Quyết định số 1656a/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND quận Đồ Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư. - Hoàn thành công tác GPMB, đang làm thủ tục xin giao đất,
6	Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Ngọc Xuyên	UBND quận Đồ Sơn	0,66		0,66		LUC	DGD	Phường Ngọc Xuyên	Tờ 71 (thửa 24,25, 42-45, 64-67); Tờ 45 (thửa 21,25,26,31-34,37,38)	- Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; - Quyết định số 2120/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND quận Đồ Sơn về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật xây dựng công trình; - Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND thành phố thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình, dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, danh mục dự án đầu tư phải thu hồi đất, mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2020. - Hoàn thành công tác GPMB, đang làm thủ tục xin giao đất.
7	Xây dựng Trường Mầm Non Vạn Hương	UBND quận Đồ Sơn	0,50		0,50		LUC	DGD	Phường Vạn Hương	Tờ 16, thửa 3	- Công văn số 4641-SXD-QHKT ngày 21/9/2020 của Sở xây dựng TP Hải Phòng về việc địa điểm xây dựng trụ sở UBND phường Vạn Hương và trường mầm non phường Vạn Hương quận Đồ Sơn; - Công văn 7380/UBND-XD ngày 20/11/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng Về việc xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân phường Vạn Hương và trường mầm non phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn; - Công văn số 2189/UBND-QLĐT ngày 28/08/2020 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn Về việc thỏa thuận vị trí khu đất thực hiện các Dự án đầu tư trên địa bàn quận Đồ Sơn; - Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 30/11/2020 của Hội đồng nhân dân quận Đồ Sơn quyết định chủ trương đầu tư. - Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Về việc thông qua danh mục các dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2021; - Đã làm thủ tục xin giao đất; Đang chờ giao đất

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB	Đã GPMB	Diện tích tăng thêm					
8	Mở rộng nghĩa trang nhân dân quận Đồ Sơn	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Đồ Sơn	1,42		1,42		LUA; NTS; DHT; NTD	NTD	Phường Ngọc Xuyến	Tờ 27 (thửa 31, 41, 69, 84,...)	- Công văn số 614/UBND-XD ngày 23/1/2014 của UBND thành phố về việc điều chỉnh quy hoạch cục bộ và đầu tư xây dựng mở rộng nghĩa trang nhân dân tại phường Ngọc Xuyến. - Quyết định 2003a/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND quận Đồ Sơn về việc phê duyệt dự án đầu tư; - Quyết định 1628/QĐ-UBND ngày 07/09/2018 của UBND quận Đồ Sơn về việc Phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; - Quyết định 06b/QĐ-HĐND ngày 12/9/2018 của HĐND quận Đồ Sơn về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư; - Nghị quyết số 41/NQ-HĐND, ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua điều chỉnh bổ sung danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2021; - UBND quận đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, GPMB; đã làm thủ tục xin giao đất; Đang chờ giao đất
9	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đầu giá quyền sử dụng đất tại TDP 8 (lô A23)	UBND quận Đồ Sơn	0,618			0,62	BCS	ODT	Phường Ngọc Xuyến	Tờ 12 (thửa 9,11,12)	- Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 10/9/2021 của HĐND quận Đồ Sơn về Quyết định CTĐT Dự án; - Báo cáo số 477/BC-UBND ngày 01/9/2021 của UBND quận Đồ Sơn. - Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND quận Đồ Sơn về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500. - Khu đất thực hiện dự án không phải giải phóng mặt bằng
10	Công trình đầu tư cơ sở hạ tầng khu đầu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại khu Đầm Cống, tổ dân phố 6, phường Ngọc Xuyến (giai đoạn 2)	UBND quận Đồ Sơn	0,17			0,17	ODT; LUC; CLN	ODT	Phường Ngọc Xuyến	Tờ 40 (thửa 78-99, 63,64,...)	- Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; - Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 30/11/2020 của Hội đồng nhân dân quận Đồ Sơn quyết định chủ trương đầu tư dự án; - Nghị quyết số 41/NQ-HĐND, ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua điều chỉnh bổ sung danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2021; - Đã giao đất để thực hiện đầu giá quyền sử dụng đất 1,75 ha.
11	Đầu giá quyền sử dụng đất khu đất số 41 đường Đình Đoài, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn	UBND quận Đồ Sơn	0,15			0,15	TSC	ODT	Phường Hải Sơn	Tờ 36 (thửa 59)	- Quyết định số 1379/QĐ-UBND, ngày 24/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chuyển giao nhà, đất về địa phương quản lý, xử lý; - Công văn số 3075/SXD-QHKT, ngày 16/7/2021 của Sở xây dựng về vị trí khu đất tại số 41 Đình Đoài, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn;

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB	Đã GPMB	Diện tích tăng thêm					
12	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn	UBND quận Đồ Sơn	0,21		0,21		LUC	TSC	Phường Vạn Hương	Tờ 15, thửa 4	- Công văn số 4641-SXD-QHKT ngày 21/9/2020 của Sở xây dựng TP Hải Phòng về việc địa điểm xây dựng trụ sở UBND phường Vạn Hương và trường mầm non phường Vạn Hương quận Đồ Sơn; - Công văn 7380/UBND-XD ngày 20/11/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng Về việc xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân phường Vạn Hương và trường mầm non phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn; - Công văn số 2189/UBND-QLĐT ngày 28/08/2020 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn Về việc thỏa thuận vị trí khu đất thực hiện các Dự án đầu tư trên địa bàn quận Đồ Sơn; - Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 30/11/2020 của Hội đồng nhân dân quận Đồ Sơn quyết định chủ trương đầu tư; - Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Về việc thông qua danh mục các dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2021; - Đã làm thủ tục xin giao đất; Đang chờ giao đất
13	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồ Sơn	Công ty Liên doanh KCN Đồ Sơn	6,62			6,62	NTS; DTL	SKK	Phường Ngọc Xuyên	Tờ 21 (thửa 2)	- Thông báo thu hồi đất số 258/TB-UBND ngày 13/8/2013 của UBND thành phố Hải Phòng về việc Thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồ Sơn do Công ty Liên danh Khu công nghiệp Đồ Sơn làm chủ đầu tư tại phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5402604264 đăng ký lần đầu ngày 26/6/1997, thay đổi lần thứ 2 ngày 22/8/2017 của Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng; - Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 23/5/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và ban hành quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 và khu đất bù vào diện tích đã thu hồi của Khu công nghiệp Đồ Sơn để xây dựng đường 353 tại phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn; - Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND thành phố Hải Phòng về việc thông qua danh mục các dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2022.
14	Đầu tư xây dựng trường tiểu học Minh Đức	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Đồ Sơn	0,94			0,94	LUC; NTS; ODT	DGD	Phường Minh Đức	Tờ 37 (thửa 38); Tờ 6 (thửa 11, 21, 22, 33 - 42; 44, 54, 55, 63)	- Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 24/03/2021 của HĐND quận Đồ Sơn; - Quyết định 1458/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm hành chính, chính trị và các công trình tiện ích xã hội phường Minh Đức, quận Đồ Sơn; - Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công quận Đồ Sơn năm 2021 (lần 3); - Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND thành phố Hải Phòng về việc thông qua danh mục các dự án đầu tư cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2022. - UBND quận Đồ Sơn đang thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB	Đã GPMB	Diện tích tăng thêm					
15	Dự án xây dựng công viên cây xanh phường Ngọc Xuyên - Vạn Hương	UBND quận Đồ Sơn	0,78			0,78	LUC	DKV	Phường Vạn Hương	Tờ BĐ số 3, thửa số 16	- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 12/4/2022 của HĐND Thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn NSNN dự kiến cấp cho việc BT, GPMB trên địa bàn TP năm 2022; - Nghị quy số 51/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND quận Đồ Sơn quyết định CTĐT Dự án; - Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND quận Đồ Sơn về việc điều chỉnh KH đầu tư công quận Đồ Sơn năm 2022 (lần 1); - Công văn số 1556/SXD-QHKT ngày 27/4/2022 của Sở XD Hải Phòng chấp thuận Tổng mặt bằng Dự án.
16	Dự án xây dựng công viên cây xanh phường Hải Sơn	UBND quận Đồ Sơn	0,30			0,30	CQP	DKV	Phường Hải Sơn	Tờ BĐ số 593, thửa số 1	- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 12/4/2022 của HĐND Thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn NSNN dự kiến cấp cho việc BT, GPMB trên địa bàn TP năm 2022; - Nghị quy số 55/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND quận Đồ Sơn quyết định CTĐT Dự án; - Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND quận Đồ Sơn về việc điều chỉnh KH đầu tư công quận Đồ Sơn năm 2022 (lần 1); - Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của UBND quận Đồ Sơn về việc phê duyệt BCKTKT Dự án.
II. DỰ ÁN BỔ SUNG MỚI (11 DỰ ÁN)											
17	Dự án đầu tư trụ sở Chi cục Thị hành án dân sự quận Đồ Sơn	Cục Thị hành án dân sự thành phố Hải Phòng	0,25			0,25	LUC	TSC	Phường Ngọc Xuyên	Tờ BĐ số 35; thửa số 28, 29, 37	- Quyết định số 1476/QĐ-BTP, ngày 29/9/2021 của Bộ Tư pháp về việc giao Chủ đầu tư dự án và chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 các dự án khởi công mới thuộc Bộ Tư pháp - Quyết định số 926/QĐ-BTP, ngày 03/6/2021 của Bộ Tư pháp về việc phê duyet chủ trương đầu tư dự án đầu tư trụ sở cơ quan THANDS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng và tỉnh Thái Bình - Công văn số 3881/UBND-XD1, ngày 08/6/2022 của UBND Thành phố về địa điểm xây dựng trụ sở các cơ quan thi hành án dân sự tại quận Đồ Sơn, huyện An Lão, huyện Kiến Thụy; - Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của HĐND TP. Hải Phòng V/V điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc BT, GPMB trên địa bàn TP năm 2022.

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB	Đã GPMB	Diện tích tăng thêm					
18	Dự án đường dây và TBA 110kV Vạn Hương	Tổng Công ty Điện Lực miền Bắc	0,645			0,645	LUC; CLN; NTS	DNL	Phường Bàng La, phường Ngọc Xuyên	Tờ BĐ số 38; 39-NX 25; 32 -BL; thửa số 68, 111 (39) 16, 48 (38) 10, 15, 25, 28, 29, 30, 31, 33, 34, 41, 42, 43, 44, 47, 55, 56 (32) 44, 143, 184 (25)	- Nghị quyết số 50/NQ-HĐND, ngày 22/12/2021 của Hội đồng nhân dân quận Đồ Sơn quyết định chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Ngọc Xuyên (Lô N36- 2) - Quyết định số 195/QĐ-UBND, ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất thuộc Lô N36-2, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn - Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của H ĐND thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2022
19	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Ngọc Xuyên Lô N36-2	UBND quận Đồ Sơn	4,336			4,336	LUC	ODT	Phường Ngọc Xuyên	Tờ BĐ số 33; thửa số 64,85,80,79,82,66,67,83, 96,99,84,100,101,86,69, 69,59,58,57,51,46,47,35, 34,78,56,70,54,55,15,32, 50	- Nghị quyết số 48/NQ-HĐND, ngày 22/12/2021 của Hội đồng nhân dân quận Đồ Sơn quyết định chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Ngọc Xuyên (Lô N36- 3) - Quyết định số 194/QĐ-UBND, ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất thuộc Lô N36-3, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn - Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của H ĐND thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2022
20	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Ngọc Xuyên Lô N36-3	UBND quận Đồ Sơn	4,72			4,72	LUC	ODT	Phường Ngọc Xuyên	Tờ BĐ số 33; thửa số 77, 88, 94, 95, 103-106, 108, 114-117; 121-124; 125-128, 132, 133, 135, 138, 140-143; 147, 150,154, 155,159-163;	-Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của Hội đồng nhân dân quận Đồ Sơn quyết định chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Minh Đức Lô N24-2 và N24-3 - Quyết định số 395/QĐ-UBND, ngày 27/4/2022 của Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất thuộc Lô N24-2 và N24-3 phường Minh Đức, quận Đồ Sơn - Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của H ĐND thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2022
21	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Minh Đức Lô N24-2 và N24-3	UBND quận Đồ Sơn	4,691			4,691	LUC	ODT	Phường Minh Đức	Tờ BĐ số 11; Số thửa: 144; 235-237; 208- 214; 202; 173-176; 140; 156-159; 168; 195 199; 164; 269-288; 238; 316; 241-243; 222; 293-296; 298; 249 260; 317	- Quyết định số 1292/QĐ-EVNNPC ngày 09/6/2022 của Tổng Công ty Điện lực miền bắc phê duyệt dự án đường dây và TBA 110kV Vạn Hương, thành phố Hải Phòng - Công văn số 374/SXD-QHKT ngày 25/01/2022 của Sở Xây dựng về việc chấp thuận hướng tuyến đường dây và vị trí TBA 110kV Vạn Hương tại quận Đồ Sơn - Nghị quyết số 84/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 về thông qua danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023.

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB	Đã GPMB	Diện tích tăng thêm					
22	Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Hợp Đức, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn	UBND quận Đồ Sơn	3,129	2,419		0,710	ODT; DCH; DVH; DTL	DGT	Phường Hợp Đức	Tờ BĐ số 55,68,67,66, 80,79,88, 93,97	- Nghị quyết số 37/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Hợp Đức, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn - Quyết định số 2586/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Hợp Đức, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn
23	Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Thượng Đức, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn	UBND quận Đồ Sơn	2,318	0,852		1,466	DTL	DGT	Phường Minh Đức	Tờ BĐ số 32,37,36,43,42, 49, 48; thửa số 39,91,56,8, 25,58,120, 22,27,37,48, 69,70,71,85 99,109,128, 10,9,17,36, 58,76,29	- Nghị quyết số 38/NQ-HĐND, ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Thượng Đức, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn - Quyết định số 2587/QĐ-UBND, ngày 09/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Thượng Đức, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn - Nghị quyết số 84/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 về thông qua danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023.
24	Dự án khu đô thị tại phường Minh Đức	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	86,53	13,584		6,34	LUC; CSD; DGT; DTL; NTD; DGD; TON; TSC	ODT	Phường Minh Đức	Tờ BĐ 15,16,17, 67,68,69, 75,76,77,78, 84,21; Số thửa: Nhiều thửa (302,297,298,299,300, 327,328,329, 337,338,339,340,341, 378, 325,362,...	- Thông báo số 504/TB-UBND ngày 07/09/2022 Thông báo kết luận của chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo một số phương án quy hoạch trên địa bàn Thành phố; - Dự án trên 10 ha đất trồng lúa cần thông qua danh mục dự án thu hồi đất trước khi trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 2, điều 8, thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ TN&MT và Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ; - Công văn số 3197/SXD-QHKT ngày 05/8/2022 của Sở Xây dựng về ý tưởng quy hoạch chi tiết 1/500 khu đô thị tại phường Minh Đức; - Bản đồ vị trí, ranh giới quy hoạch sử dụng đất khu đô thị tại phường Minh Đức, quận Đồ Sơn (theo quy hoạch phân khu 1/2000 quận Đồ Sơn tại Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 23/7/2013); - Nghị quyết số 84/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 về thông qua danh mục các dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2023
				1,567		15,13		TMD			
				4,229		22,30		DGT			
				11,588		11,80		DHT; DKV; MNC			
25	Đấu giá quyền sử dụng đất khu đất thu hồi của Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty 28	Trung tâm PTQĐ thuộc Sở TNMT	12,34	6,11			ODT	ODT	Phường Ngọc Xuyến	Tờ BĐ số 12, thửa số 57	Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND Thành phố về việc thu hồi đất của Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty 28; Quyết định số 3076/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND thành phố về việc điều chỉnh Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 19/6/2020
				0,70			TMD	TMD			
				0,15			DGD	DGD			
				5,37			DGT;DKV	DGT; DKV			
26	Đấu giá quyền sử dụng đất khu đất thu hồi của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Trung tâm PTQĐ thuộc Sở TNMT	0,46	0,46			BSC	TMD	Phường Hải Sơn		Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 3/5/2017 về việc thu hồi đất do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đang quản lý tại phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn do không còn nhu cầu sử dụng

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó			Loại đất hiện trạng (loại đất trước khi thu hồi)	Loại đất quy hoạch (sau khi chuyển đổi)	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính	Căn cứ pháp lý
				Hiện trạng không phải GPMB	Đã GPMB	Diện tích tăng thêm					
27	Dự án Góp vốn quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp	Công ty cổ phần đầu tư Tuấn Quốc	2,00			2,00	LUC; DTL; HNK	TMD	Phường Minh Đức	Tờ BĐ số 20, 82; Thửa số 211,194,182,238, 327,62,63,64,65, 57,38,95.....	- Công văn số 3394/VP-QH, ngày 22/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc nhận góp vốn quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phi nông nghiệp - Công văn số 4337/STNMT-QLĐĐ, ngày 13/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xem xét quy hoạch kế hoạch sử dụng đất để thực hiện Dự án thương mại, dịch vụ
	Tổng số 27 dự án		165,44								

